

Số: ~~63~~/2018/BIDICO/CBTT

Bình Thuận, ngày ~~17~~ tháng 04 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư
2. Mã CK: BII
3. Địa chỉ trụ sở Công ty: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã Lagi, tỉnh Bình Thuận
4. Điện thoại: (84-62) 3870935 Fax: (84-62) 3871935
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Huỳnh Thành Hiệp – Chức vụ: Tổng Giám đốc
6. Nội dung của thông tin công bố: Công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2017.
7. Địa chỉ Website đăng tải: www.bidico.com.vn

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu: Phòng ĐT

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CBTT



Huỳnh Thành Hiệp

Tài liệu đính kèm: Báo cáo thường niên năm 2017 ngày ~~17~~ tháng ~~04~~ năm 2018.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017



NỘI DUNG

01 BIDICO 2017

Giới thiệu công ty
Quá trình hình thành và phát triển
Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

02 TỔNG QUAN

Tâm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi
Lĩnh vực kinh doanh
Thông tin nhân sự chủ chốt
Địa bàn kinh doanh
Mô hình quản trị
Định hướng phát triển
Các rủi ro

03 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Các sản phẩm tiêu biểu
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông và thay đổi VCSH
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

04 ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của HĐQT về các mặt của Công ty
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc
Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2017



GIỚI THIỆU CHUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

Mã chứng khoán	:	BII
Tên viết tắt	:	BIDICO
Trụ sở	:	Khu phố 11, P. Bình Tân, Tx. Lagi, Tỉnh Bình Thuận
Số điện thoại	:	062 387 0935 Fax: 062 387 1935
Vốn điều lệ	:	576.800.000.000 VND
Số đăng ký kinh doanh	:	3400555146
Website	:	www.bidico.com.vn
Email	:	info@bidico.com.vn



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2017

ỔN ĐỊNH SẢN XUẤT – TÁI CẤU TRÚC CÔNG TY

- Cấu trúc lại bộ máy lãnh đạo, xây dựng mô hình quản trị sản xuất, tìm kiếm đối tác chiến lược tiềm năng.

2016

ĐỊNH HÌNH NGÀNH VẬT LIỆU XÂY DỰNG

- Nhà máy sản xuất gạch tuynel đi vào hoạt động, BIDICO định hướng phát triển ngành vật liệu xây dựng

2015

CÁC CCN VÀ NHÀ MÁY ĐI VÀO HOẠT ĐỘNG

- CCN Thăng Hải 2, CCN Tân Bình 1 đi vào hoạt động, sẵn sàng chào đón các nhà đầu tư
- Nhà máy chế biến cát đi vào hoạt động
- Đón nhận đầu tư nhà máy chế biến xỉ Titan tại CCN Thăng Hải 1

2014

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GDCK

- Năm 2014 BIDICO chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (Mã CP: BII) mở ra giai đoạn hoạt động mới;
- Động thổ Cụm công nghiệp Tân Bình 1.

2013

ĐỘNG THỔ CCN THĂNG HẢI 2

- Ngày 10-01-2014 BIDICO phối hợp cùng Công ty CP Công nghiệp khoáng sản Bình Thuận tổ chức lễ động thổ Cụm công nghiệp Thăng Hải 2 có diện tích 40ha nằm trong Cụm công nghiệp Thăng Hải - Cụm công nghiệp chế biến sâu titan tại xã Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận

2012

KHAI THÁC CCN THĂNG HẢI 1

- Tích lũy tài sản tiềm năng, tập trung nguồn lực để đầu tư, phát triển dự án
- Đưa vào khai thác CCN Thăng Hải 1.
- Cấp phép đầu tư mỏ cát Tân Hà.

2008

-
2011

GIAI ĐOẠN HÌNH THÀNH

- Ngày 29/05/2008 : Thành lập công ty.
- Bảo toàn nguồn lực qua chu kỳ khủng hoảng kinh tế Việt Nam từ 2008.
- Phát triển CCN Thăng Hải 1 đầu tiên của cả nước về chế biến Titan. Đăng ký mỏ cát Tân Phước.
- Chủ động đón đầu xu thế chung của thế giới trong việc sử dụng vật liệu mới trong đó có Titan, cát, năng lượng xanh và các sản phẩm chế biến sâu tài nguyên thiên nhiên, từ năm 2009, BIDICO đầu tư Cụm CN Thăng Hải 1 để giải quyết bài toán về hạ tầng cho các nhà đầu tư trong việc muốn gia nhập ngành. Công ty cũng chuẩn bị nguồn lực dài hạn cho các CCN chuyên sâu như dự án mở rộng CCN Thăng Hải 2, CCN Tân Bình, đầu tư các mỏ cát và mở rộng sang lĩnh vực trồng rừng khai thác.





THÔNG DIỆP CHỦ TỊCH HĐQT

“Năm 2017 cũng là năm tiếp theo thực hiện chiến lược cấu trúc lại hệ thống BIDICO theo mô hình tập đoàn đầu tư, với nhiều đổi mới trong tư duy chiến lược, mạnh dạng thay đổi để tinh gọn bộ máy, kết hợp tư duy đổi mới với kinh nghiệm thực tiễn là những bước đi vững chắc trong sự nghiệp phát triển của BIDICO.”

Kính thưa Quý cổ đông !



Tiếp tục một năm đầy thử thách với những khó khăn nội tại cũng như những tác động từ các yếu tố bên ngoài. Một năm thật sự không thành công về công tác quản trị điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhận thấy những khó khăn tồn tại trên, HĐQT đã đưa ra nhiều giải pháp cụ thể mang tính chiến lược để đưa công ty quay lại với chu kỳ tăng trưởng như:

- + Tập trung vào ngành nghề kinh doanh cốt lõi, mạnh dạng cấu trúc lại các dự án, tài sản không khả thi;
- + Xây dựng mô hình quản trị sản xuất chuyên nghiệp để tiết kiệm chi phí và nâng cao năng lực sản xuất;
- + Tìm kiếm đối tác để cùng thực hiện các dự án trọng điểm và phát triển vùng nguyên liệu cho các nhà máy;

Với những nỗ lực không ngừng của HĐQT và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty, tôi tin tưởng rằng Công ty sẽ vượt qua được thời điểm khó khăn này và hướng đến những thành công trong tương lai.

Năm 2017 cũng là năm tiếp theo thực hiện chiến lược cấu trúc lại hệ thống BIDICO theo mô hình tập đoàn đầu tư, với nhiều đổi mới trong tư duy chiến lược, mạnh dạng thay đổi để tinh gọn bộ máy, kết hợp tư duy đổi mới với kinh nghiệm thực tiễn là những bước đi vững chắc trong sự nghiệp phát triển của BIDICO.

Thay mặt HĐQT, tôi xin chân thành cảm ơn đến toàn thể CBCNV BIDICO, chính sự nhiệt huyết, niềm tin của các bạn đã tạo động lực và thôi thúc tôi luôn suy nghĩ, hành động để đưa BIDICO lên một tầm cao mới. Cảm ơn quý cổ đông đã luôn ủng hộ và đồng hành cùng BIDICO trong thời gian qua.

Chủ Tịch HĐQT

Nguyễn Văn Dũng

TỔNG QUAN

Tầm nhìn , sứ mệnh , giá trị cốt lõi

Lĩnh vực kinh doanh chính

Thông tin nhân sự chủ chốt

Địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị

Định hướng phát triển

Các rủi ro





BIDICO hướng tới khẳng định vị thế của một công ty uy tín, vững mạnh trong lĩnh vực phát triển hạ tầng công nghiệp và vật liệu xây dựng. Dựa trên nền tảng những lợi thế cạnh tranh đặc thù địa phương, chuẩn mực về quản trị, BIDICO cung cấp cho khách hàng sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao, đáp ứng tiêu chuẩn tối ưu giá trị cho khách hàng.

SỨ MỆNH

- **THAY ĐỔI** diện mạo mới cho ngành hạ tầng công nghiệp tại Bình Thuận;
- **THAY ĐỔI** truyền thống khai thác chế biến tài nguyên thiên nhiên, mang lại giá trị chế biến sâu tại Bình Thuận;
- **THAY ĐỔI** tình hình kinh tế, xã hội tại địa phương BIDICO hoạt động;
- **THAY ĐỔI** tác phong, tư duy đổi mới của cấp lãnh đạo;
- **THAY ĐỔI** tăng cao giá trị cho cổ đông và nhà đầu tư.



LĨNH VỰC, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

BIDICO HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC BẤT ĐỘNG SẢN CÔNG NGHIỆP VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG TẠI TỈNH BÌNH THUẬN TỪ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN CÔNG NGHIỆP, SẢN XUẤT KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐẾN DỊCH VỤ CẢNG, VẬN TẢI HÀNG HOÁ, TRỒNG RỪNG VÀ CHẾ BIẾN GỖ.



GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG NGUYỄN VĂN DŨNG

Chủ tịch HĐQT

- Chủ Tịch HĐQT, thành viên sáng lập.
- Sinh năm 1967
- Ông là một trong 3 thành viên sáng lập công ty.
- Với bề dày hơn 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản và hơn 10 năm trong công tác quản trị điều hành.
- Sáng lập ra BIDICO năm 2008, trong suốt quá trình phát triển của BIDICO, ông là linh hồn, là người tập hợp lực lượng cũng như có tầm nhìn xa và luôn đưa ra những định hướng chiến lược quan trọng trong từng giai đoạn.
- Sở hữu số cổ phần BII chốt ngày 31/12/2017 : 6.157.900 cp, chiếm 11,74%



ÔNG NGUYỄN VĂN HOÀNG

Thành viên HĐQT kiêm TGĐ

- Sinh năm 1961
- Ông là thạc sĩ kinh tế, với kinh nghiệm quản lý tại các quỹ đầu tư quốc tế, ông là người nhạy bén với tình hình tài chính trong nước và thế giới.
- Ông là nhà quản trị xuất sắc của BIDICO. Ông am hiểu mô hình và đặc thù kinh doanh của BIDICO, luôn tiên phong trong việc hiện đại hoá hệ thống quản trị và có nhiều kinh nghiệm quản trị các dự án lớn, phức tạp, cần huy động nhiều nguồn lực khác nhau.

- Sở hữu số cổ phần BII chốt ngày 31/12/2017 : 150.000 cp, chiếm 0,26%



ÔNG NGUYỄN NGỌC SƠN

Thành viên HĐQT

- Sinh năm 1968
- Ông tốt nghiệp trường Đại học Mở Hà Nội
- Ông hiện là Trưởng ban Quản lý các CCN của Công ty, với bề dày kinh nghiệm trong công tác quản lý, khai thác hạ tầng công nghiệp, sau hơn 2 năm làm việc tại Công ty, ngày 01/01/2017 Ông được đề cử vào vị trí Thành viên HĐQT của Công ty.

- Sở hữu số cổ phần BII chốt ngày 31/12/2017 : 0 cp, chiếm 0,00%



ÔNG NGUYỄN QUỐC HỒ

Thành viên HĐQT

- Sinh năm 1962
- Ông tốt nghiệp trường Đại học Mỹ Thuật Huế
- Có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quảng cáo, thiết kế sản phẩm mỹ thuật và quản trị tại các công ty đá mỹ nghệ.
- Trên cương vị là TV.HĐQT, ông là người phát triển dự án sản xuất đá ốp lát nhân tạo cao cấp của công ty.

- Ngoài ra Ông đang là Giám đốc Công ty TNHH MTV Đá Thạch Anh Cao Cấp BIDICO

- Sở hữu số cổ phần BII chốt ngày 31/12/2017 : 0 cp, chiếm 0,0%



ÔNG TRỊNH QUỐC TUẤN

Thành viên HĐQT

- Sinh năm 1976
- Ông tốt nghiệp chuyên ngành Toán tin học trường ĐH Khoa học Tự nhiên TP.HCM.

- Là người am hiểu về các mô hình quản trị doanh nghiệp hiện đại. Những tư vấn và kinh nghiệm của ông sẽ giúp BIDICO xây dựng hệ thống quản trị chuyên nghiệp.

- Sở hữu số cổ phần BII chốt ngày 31/12/2017 : 0 cp, chiếm 0,0%



BAN KIỂM SOÁT



Ông NGÔ ĐÌNH HOÀNG ĐỨC
Trưởng BKS

- Sinh năm 1972
- Ông là cử nhân Tài chính doanh nghiệp Trường HD Huế
- Từ năm 1998 đến năm 2009: ông làm Phó phòng tài chính kế toán tại Công ty TNHH Gạch Men Mỹ Đức
- Từ ngày 2009 đến năm 2016 ông đảm nhiệm chức DNTN Tin Học Bách Việt
- Ông được ĐHĐCĐ bầu vào vị trí trưởng ban kiểm soát trong ĐHĐCĐ thường niên 2017.
- Sở hữu số cổ phần BII chốt ngày 31/12/2017 : 0 cp, chiếm 0,0%



Ông PHẠM TIẾN TRUNG
Thành viên BKS

- Sinh năm 1991
- Ông tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán – kiểm toán trường ĐH Kinh tế Luật TP.HCM
- Ông có nhiều năm làm việc tại các công ty kiểm toán.
- Ông được ĐHĐCĐ bầu vào vị trí thành viên ban kiểm soát trong ĐHĐCĐ thường niên 2017.
- Sở hữu số cổ phần BII chốt ngày 31/12/2017 : 0 cp, chiếm 0,0%



Bà NGÔ NGUYỄN KHÁNH TRANG
Thành viên BKS

- Sinh năm 1981
- Bà là cử nhân kế toán tài chính trường ĐH Bà Rịa Vũng Tàu
- Từ năm 2008 đến năm 2017 bà là kế toán tổng hợp tại Ban liên lạc tù binh và tù chính trị TP HCM.
- Bà được ĐHĐCĐ bầu vào vị trí thành viên ban kiểm soát trong ĐHĐCĐ thường niên 2017.
- Sở hữu số cổ phần BII chốt ngày 31/12/2016 : 0 cp, chiếm 0,0%

BAN GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN HOÀNG
Tổng Giám đốc

(xem thông tin tại TV.HĐQT)



Ông LÊ ĐÌNH TỬ
Giám đốc tài chính

- Sinh năm 1987
- Ông tốt nghiệp chuyên ngành kiểm toán trường ĐH Kinh tế Luật TP HCM
- 2009 – 10/2016: Kiểm toán viên tại Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam
- 01/01/2017 – 10/2017: Giám đốc tài chính Công ty CP ĐT&PT Công nghiệp Bảo Thư
- Sở hữu số cổ phần BII chốt ngày 31/12/2017 : 0 cp, chiếm 0,0%

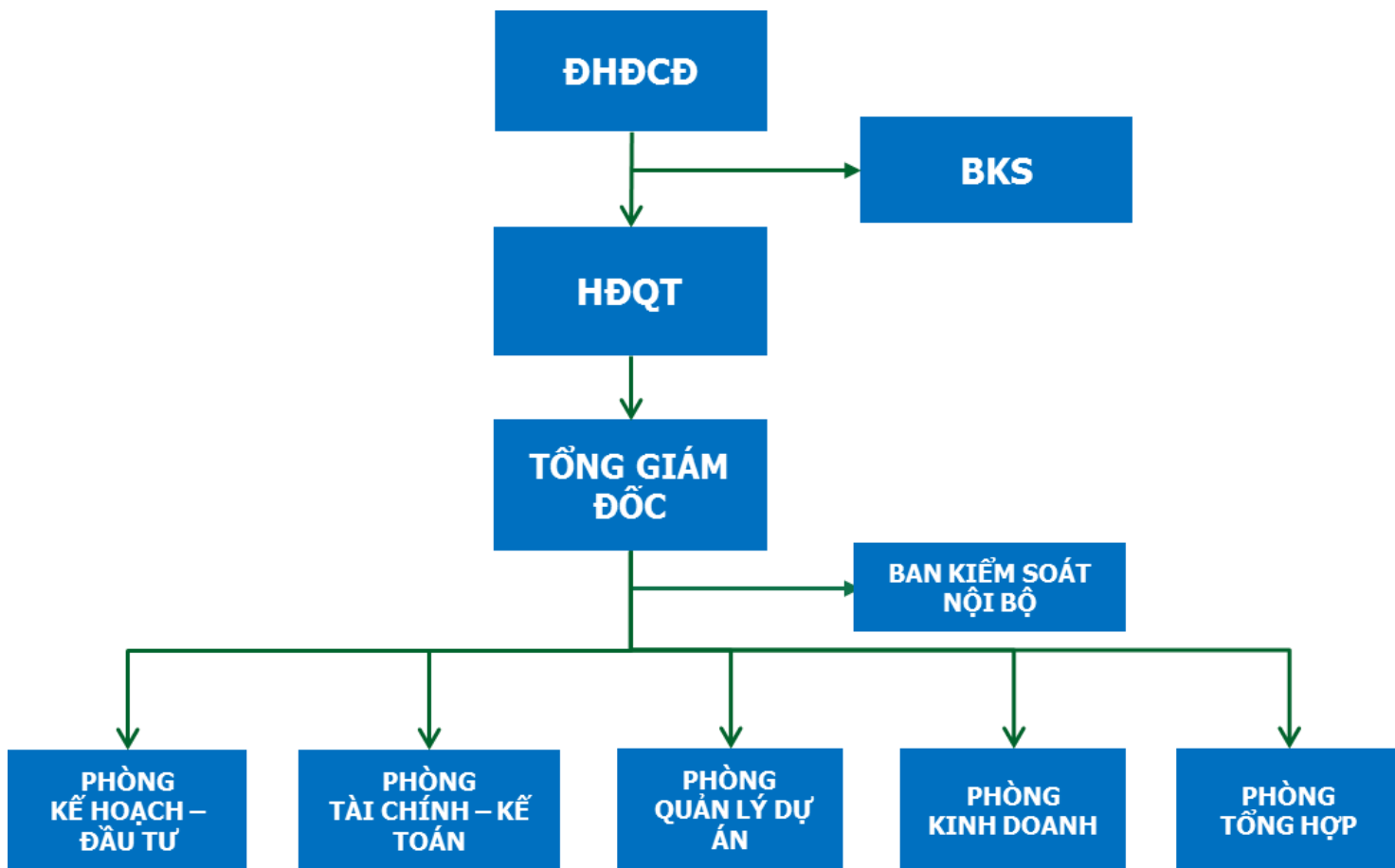


Ông LÊ VĂN THẬT
Kế Toán Trưởng

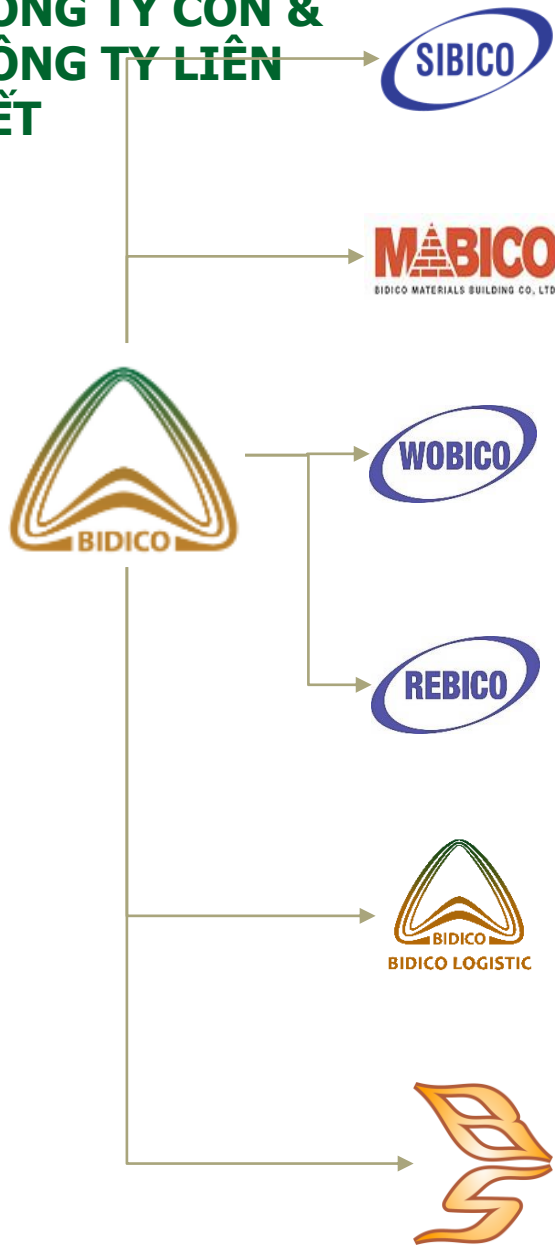
- Sinh năm 1967
- 2005 – 2008: Giám đốc Công ty TNHH MTV XD TM Trường Đạt
- 2009-2012: Kế toán trưởng Công ty CP XD Nguyên Hoàng
- 2013-06/2014: Kế toán trưởng Công ty CP Đông Á Châu Đức
- 08/2014 -31/12/2016: Phó GD Công ty TNHH Vận tải Thăng Hải
- 01/01/2017 – nay: Kế toán trưởng Công ty CP ĐT&PT Công nghiệp Bảo Thư
- Sở hữu số cổ phần BII chốt ngày 31/12/2017 : 0 cp, chiếm 0,0%

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Kể từ lúc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, BIDICO đã gỡ bỏ hoàn toàn mô hình quản trị truyền thống sang mô hình quản trị hiện đại, chuyên nghiệp, đồng thời kế thừa và phát huy những điểm mạnh trước đây, đưa công ty bước sang một kỷ nguyên mới, đạt nhiều thành công nhất định.



CÔNG TY CON & CÔNG TY LIÊN KẾT



100%

Công ty TNHH MTV Chế Biến Cát Bình Thuận
Vốn điều lệ: 99,7 tỷ
Khai thác, sản xuất, thương mại cát trắng làm thủy tinh

100%

Công ty TNHH MTV Vật Liệu Xây Dựng BIDICO
Vốn điều lệ: 51 tỷ
Sản xuất, thương mại vật liệu xây dựng

76%

Công ty TNHH MTV Công Nghiệp Gỗ Bình Thuận
Vốn điều lệ: 42 tỷ
Sản xuất chế biến gỗ từ rừng trồng

100%

Công ty TNHH MTV BĐS và Xây Dựng Bình Thuận
Vốn điều lệ: 81 tỷ
Đầu tư, phát triển hạ tầng cụm công nghiệp

52%

Công ty TNHH Vận Tải Thăng Hải
Vốn điều lệ: 8 tỷ
Vận tải hàng hóa, kho bãi

100%

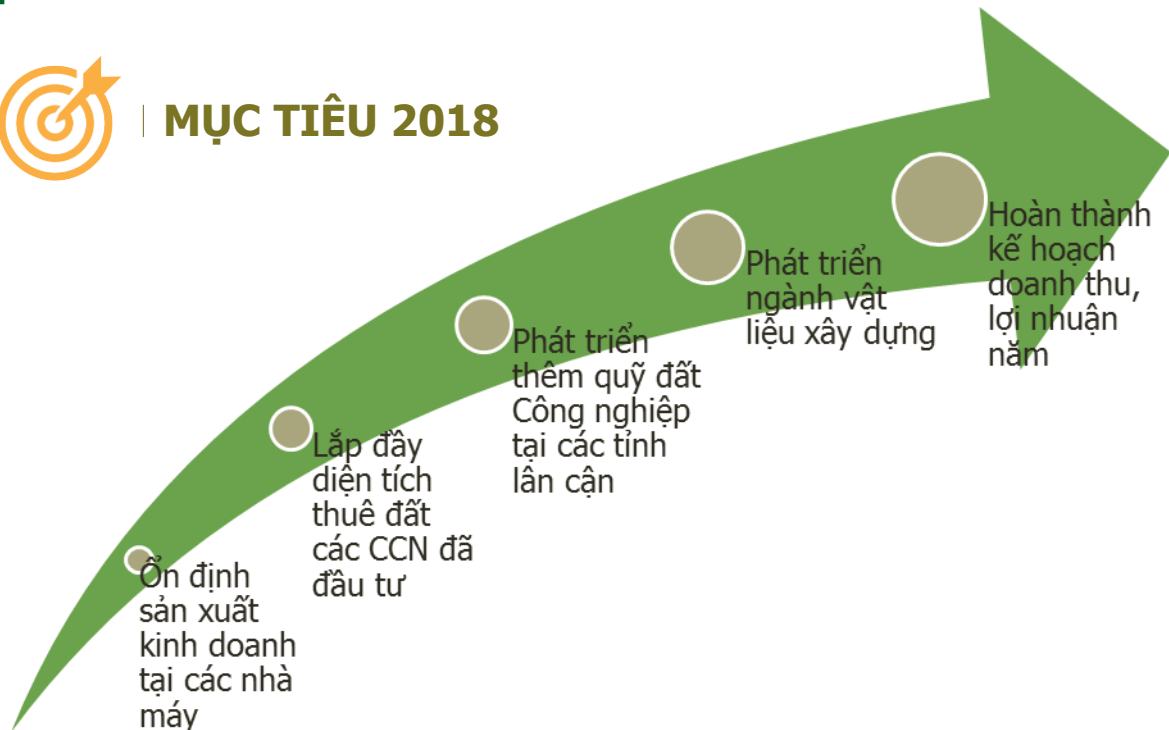
Công ty TNHH MTV Đá Thạch Anh Cao Cấp BIDICO
Vốn điều lệ: 79 tỷ
Sản xuất đá ốp lát nhân tạo cao cấp

Công ty	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của BIDICO	Ngành nghề kinh doanh
Công ty TNHH MTV Pigment & Nano Titan Bình Thuận	50 tỷ	100%	Khai thác, chế biến titan
Công ty TNHH MTV Trồng trọt Công nghệ Đồng Nai	30 tỷ	100%	Nông nghiệp
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Bình Thuận	25 tỷ	100%	Chế biến thủy hải sản tươi khô các loại
Công ty TNHH Địa Ốc Tân Bửu	256 tỷ	94,34%	Bất động sản, dịch vụ
Công ty TNHH Kỹ nghệ gỗ Lam Sơn	36 tỷ	51%	Sản xuất, chế biến gỗ
Công ty TNHH Titan Bình Thuận	393,9 tỷ	28%	Khai thác, sản xuất khoáng sản

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



MỤC TIÊU 2018



CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN

- ✓ Hướng đến mô hình tập đoàn đầu tư
- ✓ Số 1 về ngành sản xuất và chế biến cát trắng tại Việt Nam
- ✓ Dẫn đầu trong ngành cung cấp hạ tầng công nghiệp tại Bình Thuận
- ✓ Tìm kiếm đối tác chiến lược để cùng BII hợp tác thực hiện các dự án lớn.



MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- ✓ Tăng trưởng bền vững về doanh thu và lợi nhuận
- ✓ Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao
- ✓ Tham gia và đóng góp tích cực cho các hoạt động vì cộng đồng
- ✓ Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng



QUẢN TRỊ RỦI RO



Trong quá trình hoạt động kinh doanh, BIDICO luôn ý thức quản trị rủi ro tốt là nền tảng quan trọng để một doanh nghiệp có thể hoạt động kinh doanh ổn định, hiệu quả và phát triển bền vững. Chính sách quản trị rủi ro của Công ty luôn được thực hiện thống nhất từ cấp quản lý cao nhất là Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc tới các phòng ban. Kết hợp với đó là việc ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại nhằm nâng cao chất lượng quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn hiện đại, tiên tiến.

NHẬN DIỆN CÁC RỦI RO CỦA BIDICO

Bên cạnh các rủi ro mang tính chung nhất, khách quan mà bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng gặp phải trong quá trình hoạt động kinh doanh như: rủi ro kinh tế, rủi ro cạnh tranh, rủi ro lãi suất, rủi ro thiên tai... BIDICO còn phải đối mặt với các rủi ro mang tính đặc thù, riêng có do đặc điểm của ngành. Bao gồm:

Rủi ro từ hoạt động tài chính

Với việc đầu tư hoạt động trong nhiều lĩnh vực kinh doanh khác nhau, các nguồn lực chia đều, dàn trải khiến BIDICO phải đối mặt với nhiều khó khăn trong quản trị tài chính, kế hoạch dòng tiền, phân bổ nguồn vốn vào các dự án sao cho phù hợp với từng thời điểm, từng thời kỳ để tận dụng tối ưu nhất về nguồn lực tài chính, đảm bảo khả năng thanh toán, khả năng trả lãi vay.

Rủi ro từ hoạt động đầu tư dự án

Với bề dày kinh nghiệm trong việc quản lý các dự án lớn nhưng để đảm bảo an toàn, BIDICO luôn chú trọng công tác phân tích tiền khả thi dự án, phân tích thị trường, lựa chọn đúng thời điểm đầu tư và đặc biệt là công tác quản lý điều hành dự án để hạn chế những rủi ro chủ quan và khách quan.

Rủi ro từ nguồn nhân lực

Rủi ro về nguồn nhân lực có số lượng và chất lượng không bắt kịp nhu cầu tăng trưởng của BIDICO

Rủi ro chính sách

Các động của Công ty hầu hết trong lĩnh vực sản xuất VLXD, hạ tầng BĐS nên trong năm 2017 công ty bị ảnh hưởng nhiều bởi chính sách hạn chế xuất khẩu cát trắng và chính sách hạn chế dùng gạch nung trong các công trình xây dựng. Việc không lường trước được rủi ro từ chính sách đã tác động không nhỏ đến tình hình kinh doanh của Công ty.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC



Bối cảnh kinh tế 2017
Tình hình hoạt động kinh doanh
Tình hình tài chính
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
Trách nhiệm về môi trường và xã hội

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

BỐI CẢNH KINH TẾ VĨ MÔ 2017

Nhìn chung, triển vọng của nền kinh tế Việt Nam trong ngắn hạn là rất tích cực, tuy nhiên về trung và dài hạn, nó sẽ phụ thuộc chủ yếu vào các chính sách của Chính phủ và tốc độ thẩm thấu của các chính sách tốt vào nền kinh tế. Chính sách của Chính phủ có thể được thiết kế tốt nhưng việc gỡ bỏ các rào cản, cản trở và sức ỳ thể chế để chính sách tốt có tác động hiệu quả tích cực lên nền kinh tế, lên hoạt động của các doanh nghiệp mà đón đầu là những doanh nghiệp lớn sẽ là thước đo quan trọng phản ánh năng lực thực sự của một "Chính phủ kiến tạo và hành động để phục vụ người dân và doanh nghiệp".

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Hai mảng kinh doanh chính của BIDICO trong năm 2017 là kinh doanh cát trắng đã qua chế biến và gạch tuynel.

Chỉ tiêu	2016	2017	%tăng
Doanh thu thuần	140,4 tỷ	27,5 tỷ	-80,4 %
LNST	6,4 tỷ	-10,5 tỷ	- 264,1 %

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 không thuận lợi so với năm 2016 mặc dù Ban Giám đốc công ty đã nỗ lực hết mình. Một số nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh như sau:

- Hoạt động cho thuê đất tại các CCN không mang lại doanh thu do trong năm 2017 do việc thu hút đầu tư còn nhiều khó khăn.
- Nhà máy gạch tuynel trong năm đầu tiên hoạt động gặp phải nhiều sự cạnh tranh từ thị trường và chính sách sử dụng gạch không nung của Bộ Xây dựng.
- Việc hạn chế xuất khẩu cát trắng đã qua chế biến của Chính phủ đã ảnh hưởng đến nguồn doanh thu xuất khẩu của Công ty.

Doanh thu thuần
2017

27,5 tỷ

Kế hoạch Doanh thu
2018

165 tỷ

Kế hoạch LNST
2018

30 tỷ

CÁC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

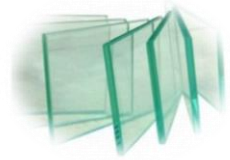
CÁT TRẮNG SIBICO

Nguồn nguyên liệu cát trắng được khai thác tại mỏ cát trắng được Bộ Tài Nguyên và Môi trường cấp phép. Nguyên liệu cát trắng được tuyển rửa, tách các tạp chất và khoáng vật kim loại đồng thời phân loại cát theo kích thước hạt bằng hệ thống máy móc thiết bị hiện đại áp dụng công nghệ tiên tiến không gây ảnh hưởng đến môi trường và nguồn nước.



Thông số kỹ thuật	Chỉ tiêu
- Cỡ hạt	
+ Cát hạt nhỏ – THS01	<0,3 mm
+ Cát hạt vừa – THS02	0,3 – 0,6 mm
+ Cát hạt to – THS03	>0,6mm
- Độ ẩm	<5%
- Hàm lượng SiO2	>99,5%

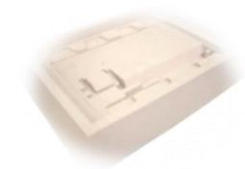
Sản xuất kính



Tấm thạch cao



Khuôn đúc



Cung cấp cát trắng theo đơn hàng từ 100 đến 6.000 tấn, trong nước và xuất khẩu.

Giao hàng tại kho người mua tại các tỉnh Bình Thuận, Đồng Nai, Bình Dương, TP.HCM.

Đặc biệt Công ty có Sản phẩm cát trắng đã sấy khô với độ ẩm <1%, được đóng bao 50Kg, hoặc bao Jumbo 1 tấn.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 16G15ND. 22027.1

Người yêu cầu : CÔNG TY TNHH CHÉ BIÊN CÁT BÌNH THUẬN
 Tên mẫu : Cát
 Ký hiệu mẫu : THSO₁
 Số lượng mẫu : 01 Niêm phong :
 Mô tả mẫu : Dạng hạt mịn
 Ngày nhận mẫu : 22.12.2016 Ngày thử nghiệm : 22.12.2016
 Thời gian lưu mẫu : 1 tháng Ngày trả kết quả : 31.12.2016

KẾT QUẢ

STT	Tên phép thử	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	
1	Moisture	TCVN 7572-7 : 2006	%	0,18	
2	SiO ₂	ASTM C 146 – 94a (2014)	%	99,4	
3	Size	ASTM C 136 - 14	%	> 0,6 mm	0,50
				0,3 - 0,6 mm	14,4
				< 0,3 mm	85,1

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT

Nguyễn Thị Thanh Hiền
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

Phạm Ngọc Dũng

Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm, dựa vào năng lực và hiểu biết tốt nhất của chúng tôi tại thời điểm thử nghiệm. Hết thời hạn lưu mẫu, Vinacontrol không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
 (*) Phép thử được công nhận VILAS (ISO/IEC 17025); (**) Phép thử sử dụng nhà thầu phụ; LOD : giới hạn phát hiện.
 Địa chỉ IPTN: Lô U 18A đường 22 KCX Tân Thuận Q7, Tp.HCM; Tel: 08 37700922 fax 08 37700997; Email: (a)vinacontrol@yahoo.com Page 1/1



Vinacontrol
SINCE 1957

Vinacontrol HoChiMinh City
80 Ba Huyen Thanh Quan St., Dist. 3,
Ho Chi Minh City
Tel : (84.8) 38.438624 - 39.316323 - 39.316704
Fax : (84.8) 39.316961 - 38.437861
vinahochiminh@vinacontrol.com.vn
www.vinacontrol.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 16G15ND. 22027.2

Người yêu cầu : CÔNG TY TNHH CHÈ BIÊN CÁT BÌNH THUẬN
Tên mẫu : Cát
Ký hiệu mẫu : THSO₂
Số lượng mẫu : 01 Niêm phong :
Mô tả mẫu : Dạng hạt mịn
Ngày nhận mẫu : 22.12.2016 Ngày thử nghiệm : 22.12.2016
Thời gian lưu mẫu : 1 tháng Ngày trả kết quả : 31.12.2016

KẾT QUẢ

STT	Tên phép thử	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	
1	Moisture	TCVN 7572-7 : 2006	%	2,02	
2	SiO ₂	ASTM C 146 – 94a (2014)	%	99,3	
3	Size	ASTM C 136 - 14	%	> 0,6 mm	0,60
				0,3 - 0,6 mm	40,8
				< 0,3 mm	58,6

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT

Nguyễn Thị Thanh Hiền

Nguyễn Thị Thanh Hiền

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM



Phạm Ngọc Dũng

Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm, dựa vào năng lực và hiểu biết tốt nhất của chúng tôi tại thời điểm thử nghiệm. Hết thời hạn lưu mẫu, Vinacontrol không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
(*): Phép thử được công nhận VILAS (ISO/IEC 17025); (**): Phép thử sử dụng nhà thầu phụ; LOD: giới hạn phát hiện.
Địa chỉ PTN: Lô U 18A đường 22 KCX Tân Thuận Q7, Tp.HCM; Tel: 08 37700922 fax 08 37700997; Email: lab@vinacontrol.com Page 1/1






IMPROVE QUALITY. TOWARD SUCCESS



BCTN 2017
18

GẠCH TUYNEL BIDICO

Gạch Tuynel BIDICO được sản xuất trên dây chuyền hiện đại, với công suất GD 1 hơn 80 triệu viên/năm, sản phẩm hiện tại đang được cung cấp cho các công trình xây dựng tại TP.HCM, Đồng Nai, Bình Thuận...,

STT	Sản phẩm	Hình ảnh	Quy cách
1	Gạch ống 4 lỗ		80x80x180
2	Gạch đĩnh		40x80x180
3	Gạch demi		80x80x90

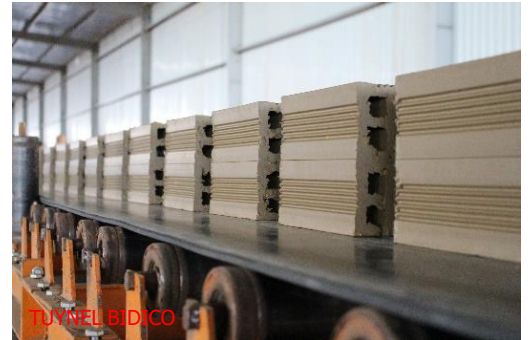
Hiện tại Gạch được tiêu thụ thông qua kênh phân phối là các đại lý VLXD tại các tỉnh lân cận, và chủ yếu là phân phối vào các công trình xây dựng lớn.

Chất lượng gạch ổn định do Công ty có nguồn cung cấp nguyên liệu từ mỏ đất sét gần nhà máy.

Kết quả phân tích gạch tại các Trung tâm phân tích cho ra kết quả đạt chuẩn an toàn xây dựng (Mác M75)

Do áp dụng công nghệ hiện đại, sản xuất với số lượng lớn nên giá thành tương đối rẻ hơn so với các nhà máy cùng khu vực.

Ngoài ra, Công ty cũng tuân thủ khắc khe các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường.





CHỨNG NHẬN

CERTIFICATE

CHỨNG CHỈ NÀY CHỨNG NHẬN/ THIS CERTIFY THAT:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIDICO
 BIDICO CONSTRUCTION MATERIAL ONE MEMBER CO.,LTD

ĐỊA CHỈ/ ADDRESS:

Lô A2, Cụm công nghiệp Thăng Hải, xã Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
 Lot A2, Thang Hai park, Thang Hai commune, Ham Tan district, Binh Thuan province, Vietnam

CÓ CÁC SẢN PHẨM/ OWN PRODUCTS:

Gạch rỗng đất sét nung (Chi tiết tại quyết định)/
 Hollow clay bricks (Detail at decision)/.

PHÙ HỢP VỚI CÁC YÊU CẦU CỦA QUY CHUẨN/

APPROVED WITH REQUIREMENTS OF REGULATION:

QCVN 16:2014/BXD

PHƯƠNG THỨC CHỨNG NHẬN/ CERTIFICATION METHOD: 05 (TT 28/2012/TT-BKHCN)

Và được phép sử dụng dấu hiệu hợp quy (CR) sau đây trực tiếp trên sản phẩm hoặc bao bì chứa đựng sản phẩm/ Have right to use the below conformity regulation logo (CR) on products or product packaging/.



Đại diện ICB/ On behalf of ICB

Chứng chỉ số/ Certification No.: 160816.PRO.CN16
 Ngày cấp/ Issued date: 20/09/2016
 Ngày hết hạn/ Expired date: 19/09/2019

GIAM ĐỐC/ DIRECTOR
 CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ
 NGUYỄN THANH TÙNG

Chứng chỉ sẽ mất hiệu lực nếu sản phẩm của khách hàng không vượt qua cuộc
 đánh giá giám sát hàng năm của ICB/ This certificate will lapse if the customer's
 product does not pass the surveillance of ICB/.



CHỨNG NHẬN CERTIFICATE

CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ CỦA/ THIS IS TO CERTIFY THE MANAGEMENT SYSTEM OF/
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIDICO
BIDICO CONSTRUCTION MATERIAL ONE MEMBER CO.,LTD

ĐỊA CHỈ/ ADDRESS:

Lô A2, Cụm công nghiệp Thăng Hải, xã Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận,
Việt Nam

*Lot A2, Thang Hai park, Thang Hai commune, Ham Tan district, Binh Thuan province,
Vietnam*

ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ PHÙ HỢP VỚI CÁC YÊU CẦU CỦA TIÊU CHUẨN/ HAS BEEN ASSESSED AND
FOUND TO COMPLY WITH THE REQUIREMENTS OF/

ISO 9001:2015

CHỖ PHẠM VI/ FOR SCOPE:

- Sản xuất và kinh doanh gạch tuynel./.
Production and sales of bricks./.

VICAS số/ VICAS No.: 022-QMS
Chứng chỉ số/ Certification No.: 160816.QMS.CN16
Ngày cấp/ Issued date: 20/09/2016
Ngày hết hạn/ Expired date: 19/09/2019



Nguyễn Thanh Tùng
NGUYỄN THẠNH TÙNG
GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR

Chứng chỉ sẽ mất hiệu lực nếu hệ thống quản lý của khách hàng không vượt qua cuộc đánh giá giám sát hàng năm của ICB/ This certificate will be invalid if the customer's management system does not pass the surveillance of ICB.



Được công nhận bởi BOA - www.boa.gov.vn
Accreditation by BOA - www.boa.gov.vn



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 160816.PRO.CN16/QDCN-ICB

Hà Nội, ngày 20 tháng 09 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chứng nhận sản phẩm hàng hóa

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ

- Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;
- Căn cứ vào Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều luật của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
- Căn cứ Quyết định số 1208/QĐ-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Xây dựng về việc chỉ định Công ty Cổ phần Chứng nhận Quốc tế thực hiện việc thử nghiệm/chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng, số hiệu QCVN 16:2014/BXD;
- Căn cứ vào Quy định về đánh giá sản phẩm của Công ty Cổ phần Chứng nhận Quốc tế (ICB);
- Căn cứ vào kết quả đánh giá và kiến nghị của phòng Chứng nhận của ICB.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chứng nhận:

a. Đơn vị:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIDICO

b. Địa chỉ:

Lô A2, Cụm công nghiệp Thăng Hải, xã Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

c. Có sản phẩm hàng hóa sau đây phù hợp với yêu cầu của quy chuẩn QCVN 16:2014/BXD

STT	TÊN HÀNG HÓA	CHỈ TIÊU KỸ THUẬT	GHI CHÚ
1.	Gạch rỗng đất sét nung, 4 lỗ tròn Nhãn hiệu: BIDICO	Kích thước: (180x80x80)mm Mức gạch: M75	
2.	Gạch rỗng đất sét nung, 2 lỗ tròn Nhãn hiệu: BIDICO	Kích thước: (180x80x40)mm Mức gạch: M100	
3.	Gạch rỗng đất sét nung, 4 lỗ vuông Nhãn hiệu: BIDICO	Kích thước: (180x80x80)mm Mức gạch: M75	

d. Đánh giá theo phương thức 5 của Thông tư 28/2012/TT-BKHCN ban hành ngày 12/12/2012.

Điều 2: Đơn vị được chứng nhận tại Điều 1 được phép sử dụng dấu hiệu chứng nhận hợp quy (CR) trên các sản phẩm và bao bì chứa sản phẩm được chứng nhận tại Mục c của Điều 1 trong thời gian chứng chỉ có hiệu lực.





Điều 3: Đơn vị được chứng nhận tại Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các quy định đánh giá, chứng nhận của ICB cũng như của luật định.

Điều 4: Đơn vị được chứng nhận phải chịu sự đánh giá giám sát định kỳ tối đa 12 tháng một lần bởi ICB nếu không chứng chỉ chứng nhận sản phẩm đã cấp cho đơn vị sẽ mất hiệu lực ngay lập tức.

Điều 5: Quyết định này có hiệu lực trong vòng 01 năm kể từ ngày quyết định này được ký.

Nơi nhận:

- Như điều 1;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Tung
NGUYỄN THẠNH TÙNG

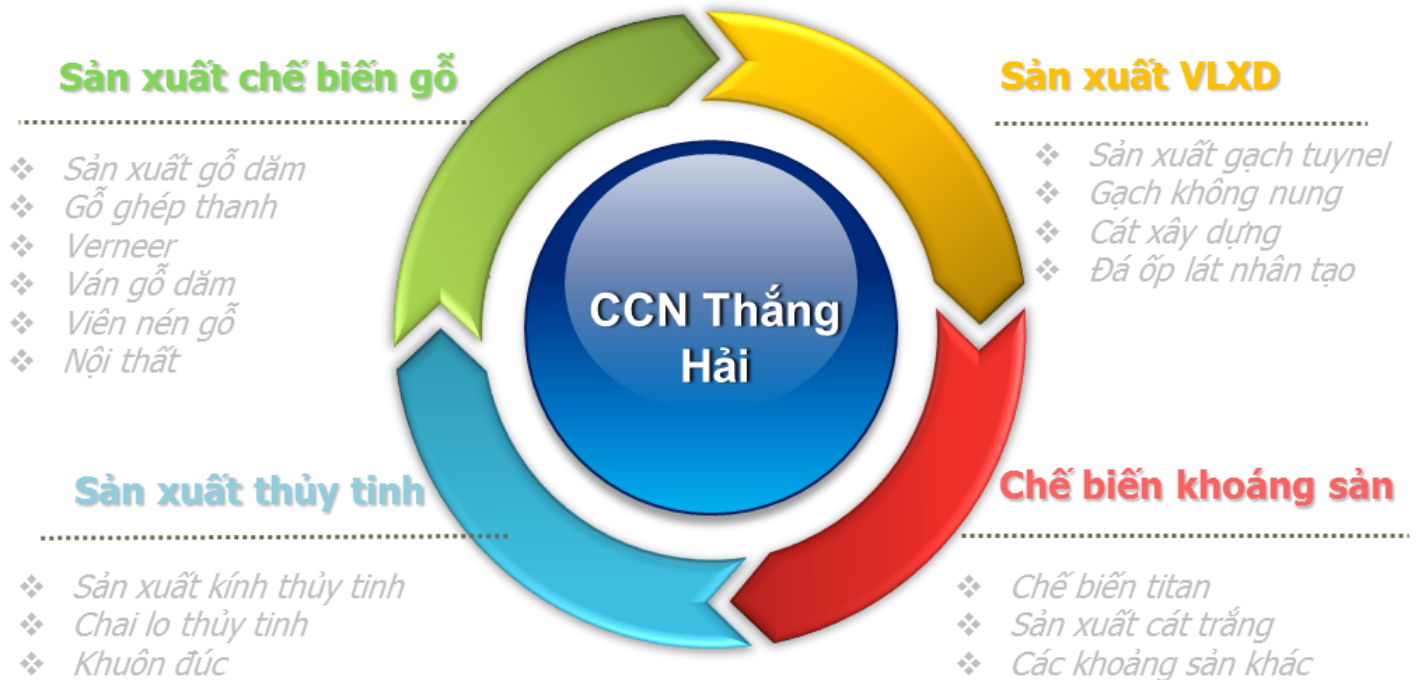


CHO THUÊ BẤT ĐỘNG SẢN CÔNG NGHIỆP

CỤM CÔNG NGHIỆP THĂNG HẢI 1, 2 & 3

Với quỹ đất hơn 140ha tại xã Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận Cụm Công nghiệp Thăng Hải được đưa vào khai thác để phục vụ cho nhu cầu phát triển công nghiệp tại địa bàn tỉnh Bình Thuận.

CÁC NGÀNH NGHỀ ĐANG THU HÚT ĐẦU TƯ



CÁC DỰ ÁN ĐÃ THU HÚT ĐẦU TƯ TẠI CCN THĂNG HẢI 1

STT	Lô đất	Diện tích	Nhà máy	Chủ đầu tư
1	B1+B2	7,5 ha	Nhà máy chế biến gỗ Bình Thuận	Công ty TNHH MTV Công nghiệp Gỗ Bình Thuận
2	B3	10,6 ha	Nhà máy chế biến Titan Bình Thuận	Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận
3	A1	4,2 ha	Nhà máy chế biến cát Bình Thuận	Công ty TNHH MTV Chế biến cát Bình Thuận
4	A2	2,7 ha	Nhà máy sản xuất gạch Tuynel BIDICO	Công ty TNHH MTV VLXD BIDICO
5	A3	3,2 ha	Đang thu hút nhà đầu tư	
6	A4	5,9 ha	Nhà máy sản xuất đá thạch anh cao cấp	Công ty TNHH MTV Đá thạch anh cao cấp BIDICO

THANG HAI IP MASTER PLAN



NOTE:

- LOCATION: THANG HAI WARD, HAM TAN DISTRICT, BINH THUAN PROVINCE
- DISTANCE TO HIGHWAY 55: 5KM
- DISTANCE TO CAI MEP PORT (BA RIA VUNG TAU PROVINCE): 65KM
- DISTANCE TO HO CHI MINH CITY: 180KM

CỤM CÔNG NGHIỆP TÂN BÌNH 1

Bình Thuận là địa phương có truyền thống về đánh bắt hải sản lâu đời, các cơ sở chế biến các sản phẩm sau đánh bắt nằm rải rác trong địa bàn tỉnh. Trước nhu cầu phát triển của đô thị, việc di dời các cơ sở chế biến hải sản có mùi nằm rải rác trong các khu dân cư là rất cần thiết. Vì vậy việc lập quy hoạch Cụm công nghiệp chế biến hải sản có mùi nhằm giải quyết vấn đề trên, cũng như đáp ứng xu thế hiện đại hóa ngành, đảm bảo môi trường sinh thái và sức khỏe cộng đồng.

Hiện tại BIDICO đang mở bán hoặc cho thuê các lô đất trong CCN Tân Bình 1 để nhà đầu tư thực hiện các dự án sản xuất ngành thủy hải sản.



CÁC DỰ ÁN ĐÃ THU HÚT ĐẦU TƯ TẠI CCN TÂN BÌNH 1

STT	Lô đất	Diện tích	Nhà máy	Chủ đầu tư
1	CN V2	8100 m ²	Nhà máy chế biến bột cá Minh Hiền	Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Hiền
2	CN I4	8000 m ²	Nhà máy chế biến Thủy sản Hạ Tiến	Doanh nghiệp tư nhân Hạ Tiến

- Các lô đất trong CCN Tân Bình được quy hoạch với diện tích khoảng 8000 m²/lô đất phù hợp với các nhà máy có công suất nhỏ, các chủ đầu tư có thể thuê nhiều lô để ghép thành thửa đất lớn.

NGÀNH NGHỀ ĐANG THU HÚT ĐẦU TƯ

CCN TÂN BÌNH

Chế biến thủy hải sản, sản xuất bột cá, nước mắm

Phân bón, thức ăn gia súc, sản xuất nước đá

Kho lạnh, kho bãi, ngư cụ

LỢI THẾ CỦA CỤM CÔNG NGHIỆP TÂN BÌNH

- ▶ Giá thuê đất cạnh tranh, với từng lô đất diện tích phù hợp
- ▶ Giao thông thuận tiện
- ▶ Gần các hệ thống Cảng

- Xa khu dân cư, không ảnh hưởng nhiều đến môi trường
- Nguồn nước dồi dào, ổn định
- Xử lý nước thải theo QCVN 40

CCN Tân Bình

- Nguồn nhân lực dồi dào
- Được hỗ trợ các thủ tục pháp lý nhanh chóng và thuận lợi
- Chính sách thuế ưu đãi

- ▶ Nằm trong Vùng nguyên liệu phong phú, giá cả cạnh tranh, sản lượng lớn

GIAO THÔNG

Trung tâm TP lớn	TP.HCM	167 Km
	TP.Phan Thiết	55 Km
	TP. Vũng Tàu	80 Km
Cảng biển	Cảng Cát Lái	141 Km
	Cảng Cái Mép	95 Km
	Cảng Phú Mỹ	96 Km
	Cảng Gò Dầu	100 Km
	Cảng Lagi	9 Km
Trục giao thông chính	Quốc lộ 55	6 Km
	Quốc lộ 1A	24 Km

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng năm 2017

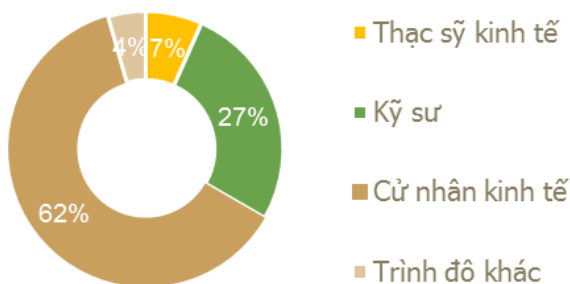
Thành viên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Tổng giám đốc	0,26%
Ông Lê Đình Tú	Giám đốc tài chính	0,00%
Ông Lê Văn Thật	Kế toán trưởng	0,00%

Các thay đổi trong Ban Tổng Giám đốc

- Ngày 01/01/2017: Bổ nhiệm Ông Lê Văn Thật làm Kế toán trưởng thay Ông Trần Thanh Sơn.
- Ngày 01/01/2017: Bổ nhiệm Ông Lê Đình Tú giữ chức vụ Giám đốc tài chính.
- Ngày 11/12/2017: Bãi nhiệm chức vụ Giám đốc tài chính của Ông Lê Đình Tú.
- Ngày 15/01/2018: Bổ nhiệm Ông Trịnh Quốc Tuấn làm Tổng giám đốc của Công ty thay thế ông Nguyễn Văn Hoàng.
- Ngày 05/03/2018: Bổ nhiệm Ông Huỳnh Thành Hiệp làm Tổng giám đốc Công ty thay thế ông Trịnh Quốc Tuấn.

Số lượng Cán bộ nhân viên và chính sách lao động

Tính đến cuối năm 2017, BIDICO hiện có khoảng 30 cán bộ nhân viên và hơn 100 công nhân đang làm việc tại các nhà máy.









BIDICO áp dụng chính sách đãi ngộ công bằng, thù lao, lương, thưởng đều phụ thuộc vào sự nỗ lực công hiến của nhân viên, BIDICO cũng hướng đến sự thịnh vượng, đầy đủ trong đời sống vật chất và tinh thần để nhân viên an tâm tập trung cống hiến vào sự nghiệp phát triển chung của công ty.

Hàng năm BIDICO thường tổ chức những chuyến dã ngoại, tham quan mục đích gây dựng tinh thần đoàn kết, giúp nhân viên thoải mái tinh thần, tạo thêm động lực làm việc. Thể hiện đúng bản chất văn hóa trong BIDICO.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN



NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ BÌNH THUẬN

-  **Chủ đầu tư :** Công ty TNHH Công nghiệp Gỗ Bình Thuận
-  **Địa điểm :** Lô B1, B2 CCN Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận
-  **Diện tích :** 7,56 ha
-  **Tổng vốn đầu tư :** 200 tỷ
-  **Thời gian xây dựng :** T9/2015 – T9/2018, đầu tư cuốn chiếu
-  **Tiến độ hiện tại :** đang hoàn thành xây dựng các hạng mục cơ bản phần còn lại, phân xưởng sản xuất woodchip đã đi vào hoạt động. Tìm kiếm nhà đầu tư chiến lược để cùng thực hiện dự án.



NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ BÌNH THUẬN



Rừng trồng

Khai thác gỗ

Nhà máy



VERNEER

Công suất: 3 triệu m²/năm



LUMBER

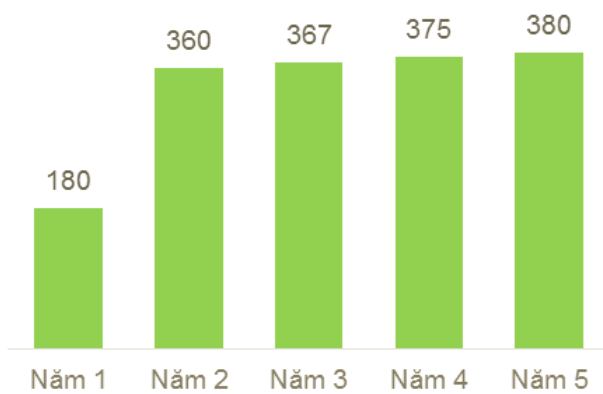
Công suất: 30.000 m³/năm



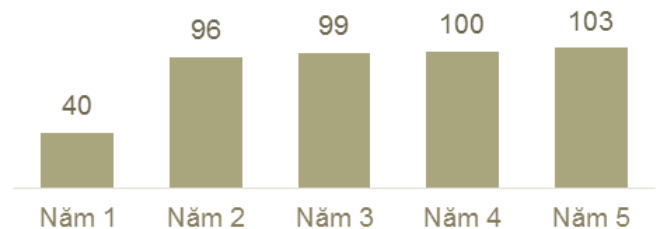
WOODCHIP

Công suất: 50.000 tấn/năm

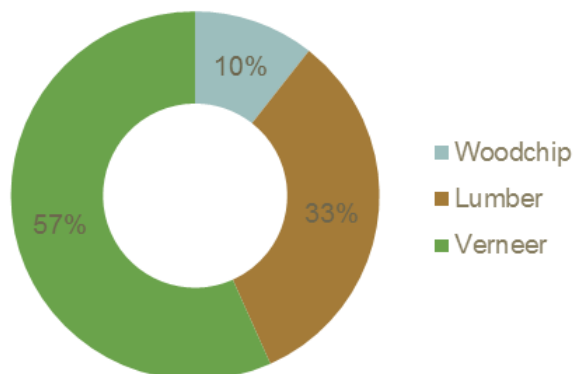
Doanh thu dự kiến



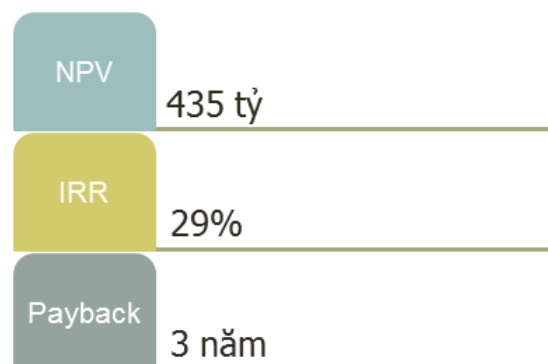
Lợi nhuận sau thuế



Cơ cấu lợi nhuận



Khả thi dự án



CẢNG SÔNG DINH

TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN NGÀNH VẬN TẢI ĐƯỜNG THỦY TẠI BÌNH THUẬN

Bình Thuận nằm trên tuyến lưu thông hàng hóa xuyên Á nhưng vẫn chưa có cảng nào có khả năng đáp ứng được yêu cầu của mắt xích này.

Hàng hóa trong khu vực Tây Nguyên, Bình Thuận, Ninh Thuận... vẫn phải đi đường bộ tập hợp về cảng Sài Gòn và ngược lại, gây tổn kém nhiều chi phí, Cảng Sông Dinh sẽ giúp rút ngắn lộ trình và thời gian vận tải.

Với nhiều lợi thế về tài nguyên thiên nhiên Bình Thuận hứa hẹn sẽ là trung tâm kinh tế hiện đại với quy mô công nghiệp cao, điều này sẽ dẫn đến nhu cầu xuất nhập, khẩu hàng hóa nguyên vật liệu sản xuất rất lớn.



THÔNG TIN CHUNG VỀ CẢNG SÔNG DINH

Cầu cảng phục vụ tàu bè, kho bãi phục vụ cho việc giao thương và xuất, nhập khẩu hàng hóa. Giải quyết bài toán lưu thông hàng hóa và phục vụ hơn 2.500 tàu thuyền đánh bắt hải sản trong khu vực.



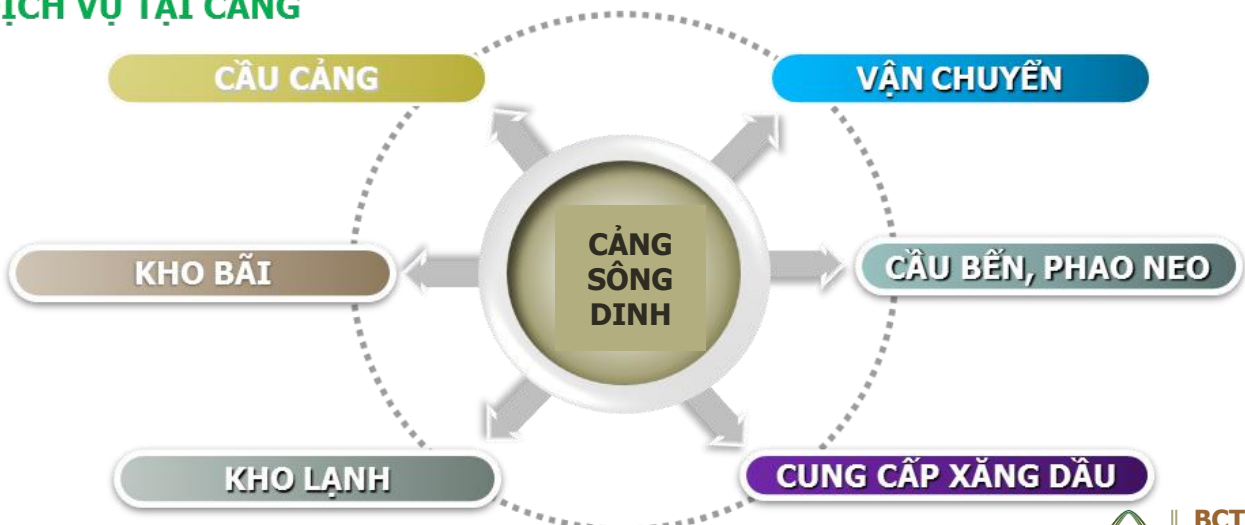
Diện tích: 13,5 ha

Địa điểm: Cửa Sông Dinh, Tx Lagi, tỉnh Bình Thuận

Lưu lượng hàng :
1.300 ngàn tấn/năm

Tiến độ đầu tư:
Đang hoàn tất các thủ tục pháp lý để điều chỉnh quy mô dự án đầu tư

DỊCH VỤ TẠI CẢNG



DỰ ÁN ĐÁ ỐP LÁT NHÂN TẠO CAO CẤP

THÔNG TIN DỰ ÁN

Tên Dự án

- Nhà máy sản xuất đá ốp lát nhân tạo cao cấp

Địa điểm

- Lô A4, CCN Thăng Hải, xã Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.
- Diện tích: 58,989 m²

Quy mô dự án

- Giai đoạn I (2 năm đầu): 302,500 m²
- Giai đoạn II: 605,000 m²
- **Tổng vốn đầu tư GD I: 203.4 tỷ VNĐ**
- **Tổng vốn đầu tư GD II: 21.3 tỷ VNĐ**

Tiến độ đầu tư

- đã hoàn thành xong các thủ tục pháp lý đầu tư. Công ty đang tiến hành tìm kiếm đối tác để cùng thực hiện dự án



Thị trường BĐS ngày càng tăng, nhà máy sản xuất đá ốp lát nhân tạo cao cấp BIDICO ra đời đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu



Nhà máy hoạt động trên dây chuyền MMTB hiện đại sử dụng Công nghệ tiên tiến của đối tác giàu kinh nghiệm tại Trung Quốc

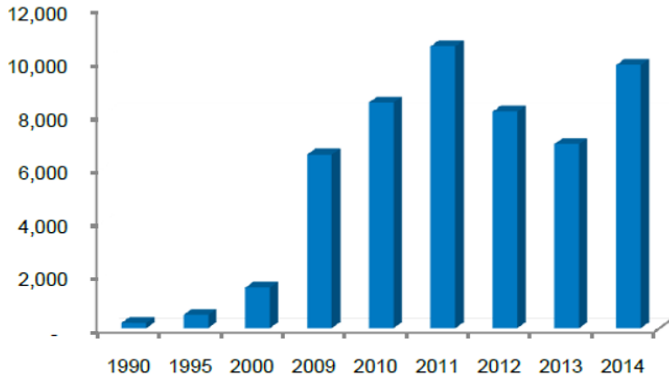
Đá ốp lát nhân tạo cao cấp mang vẻ đẹp sang trọng với độ cứng, khả năng chống xước, chống thấm cao hơn nhiều lần so với các loại vật liệu ốp lát khác, phù hợp trong ứng dụng trang trí nội thất và sản phẩm gia dụng như mặt bàn bếp, bàn trang điểm, ốp tường, lát sàn...



NỘI ĐỊA

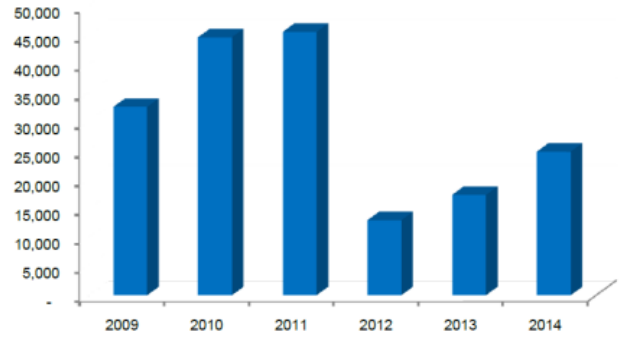
Sản lượng tiêu thụ đá ốp lát 1990-2014

Đơn vị tính: Triệu m³



Kim ngạch nhập khẩu sản phẩm đá ốp lát 2009-2014

Đơn vị tính: triệu USD



Quy mô sản xuất trong nước vẫn còn nhỏ, và cạnh tranh với các sản phẩm nhập khẩu chủ yếu từ Trung Quốc với lợi thế về mẫu mã, giá cả linh hoạt. Tuy nhiên, sản phẩm Việt Nam cũng được bảo vệ với thuế nhập khẩu các sản phẩm thành phẩm từ 17% - 20% tùy mặt hàng khác nhau. Thuế nhập khẩu 17% - 20% đối với thành phẩm đá với bề mặt đã được mài bóng, giúp đá granite Việt Nam gia tăng khả năng cạnh tranh với các sản phẩm Trung Quốc.

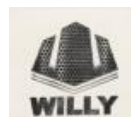
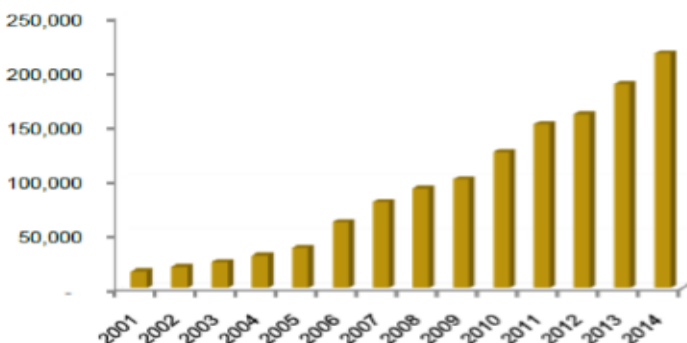
XUẤT KHẨU

Các sản phẩm đá granite và marble tự nhiên được xuất khẩu với các thị trường xuất khẩu chủ yếu là Châu Á và Úc, chiếm 46%, thị trường Bỉ chiếm 24%. Kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng đều trên 10% từ năm 2001-2014. Ngoài ra các sản phẩm xuất khẩu sang Châu Âu được ưu đãi với thuế suất 0%

Đối tác xuất khẩu

Kim ngạch xuất khẩu đá ốp lát 2001-2014

Đơn vị tính: triệu USD



WILLY INDUSTRIES IMPORT & EXPORT LLC



EMANUEL ZARATE DESIGN CONSULTANT



MICHAEL DUDINSKIY

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

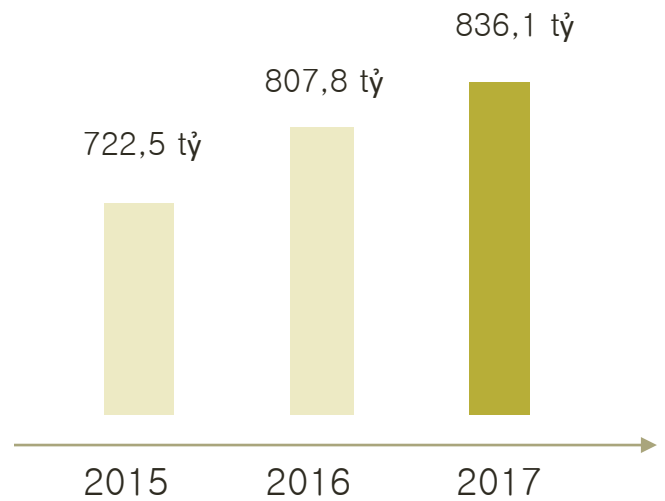
Tình hình tài sản

Đến thời điểm ngày 31/12/2017, tổng tài sản được ghi nhận là 836,1 tỷ tăng 3,5 % so với năm 2016

Tỷ suất sinh lợi trên Tổng tài sản (ROA) là -1,3%

Các khoản nợ phải thu xấu trong kỳ là 3,6 tỷ.

TỔNG TÀI SẢN



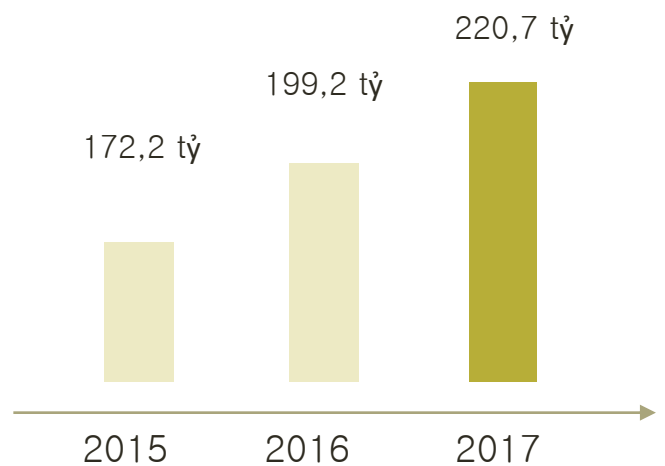
Tình hình nợ phải trả

Tại thời điểm ngày 31/12/2017 Tổng các khoản nợ là 220,7 tỷ tăng 10,8% so với cùng kỳ. Trong đó nợ ngắn hạn là 175,8 tỷ chiếm 79,7%, chủ yếu đến từ việc phát sinh chi phí phải trả ngắn hạn và vay vốn lưu động cho các nhà máy.

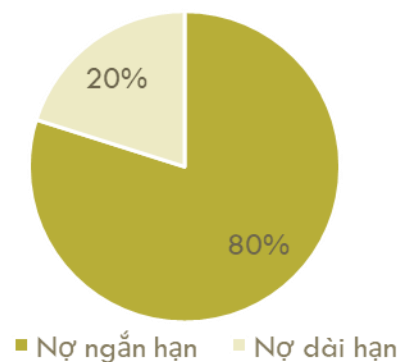
Nợ dài hạn 44,9 tỷ chủ yếu là đầu tư xây dựng các nhà máy và đoàn xe vận tải.

Hệ số Nợ/VCSH ở mức thấp là 0,36 lần tuy cao hơn so với mức 0,33 lần năm 2016 nhưng so với tính chất của ngành hạ tầng công nghiệp thì đang ở mức thấp. Cho thấy được tìm lực tài chính và khả năng huy động vốn để đầu tư các dự án.

NỢ PHẢI TRẢ



CƠ CẤU NỢ



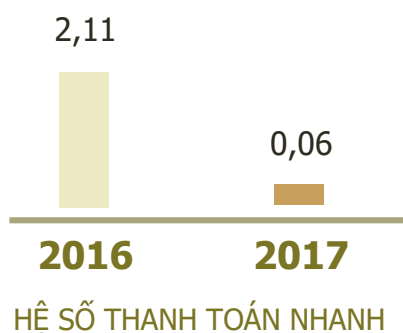
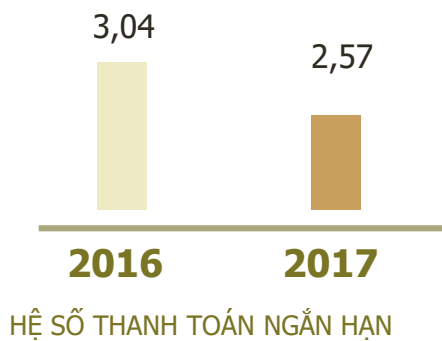
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

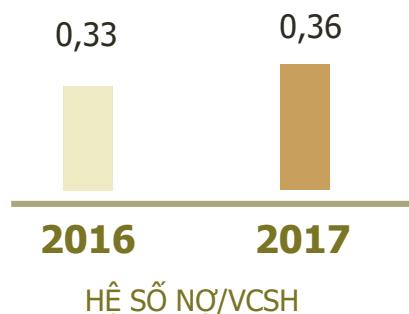
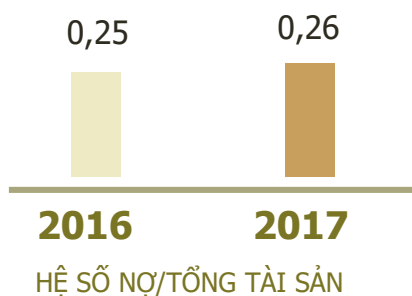
Chỉ tiêu	2016	2017	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	807,8 tỷ	836,1 tỷ	3,5%
Doanh thu thuần	104,3 tỷ	27,5 tỷ	-73,6%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-1,1 tỷ	-6,4 tỷ	-481,8%
Lợi nhuận khác	7,6 tỷ	-3,5 tỷ	-146,1%
Lợi nhuận trước thuế	6,5 tỷ	-9,9 tỷ	-252,3%
Lợi nhuận sau thuế	6,4 tỷ	-10,5 tỷ	-264,1%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	0%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN



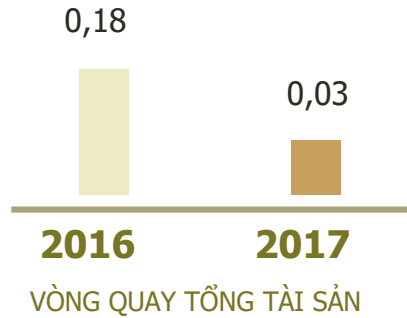
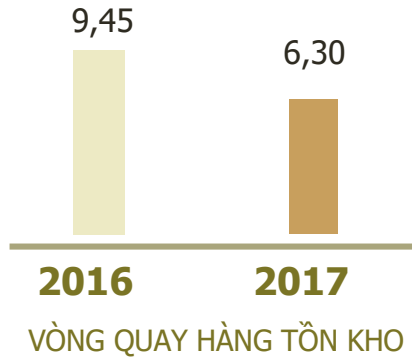
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN



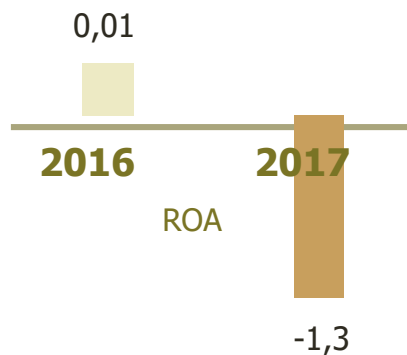
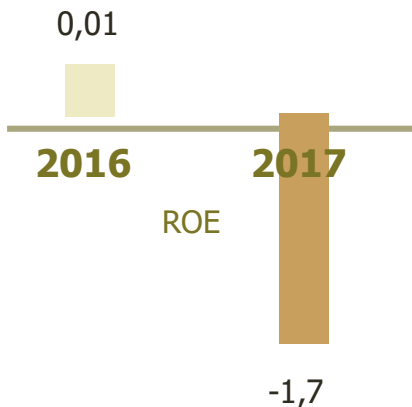
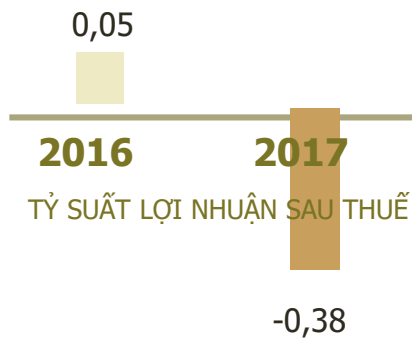
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

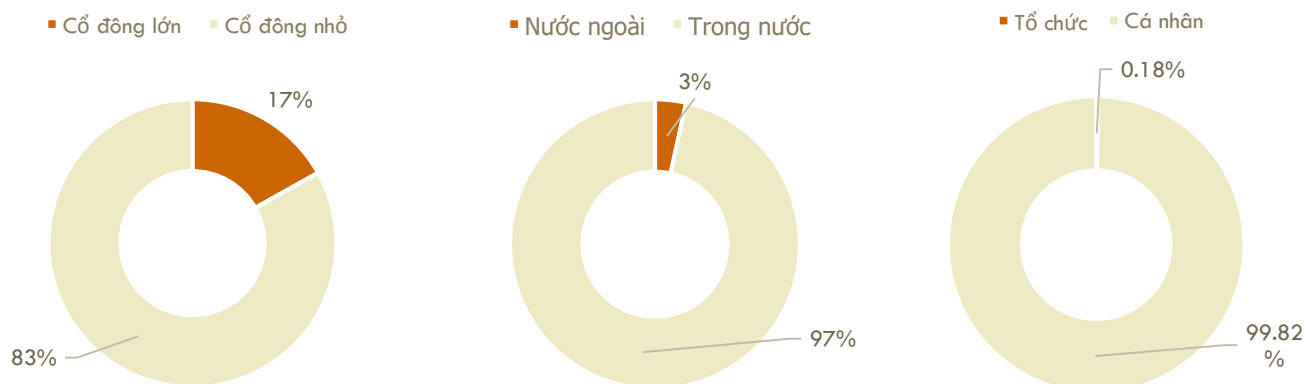


CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI TRONG ĐẦU TƯ VCSH

THÔNG TIN CỔ PHẦN

Vốn điều lệ	576.800.000.000 đồng
Mệnh giá	10.000 đồng
Khối lượng cổ phiếu niêm yết	57.680.000 cổ phần
Khối lượng cổ phiếu lưu hành	57.680.000 cổ phần
Sở giao dịch	HNX

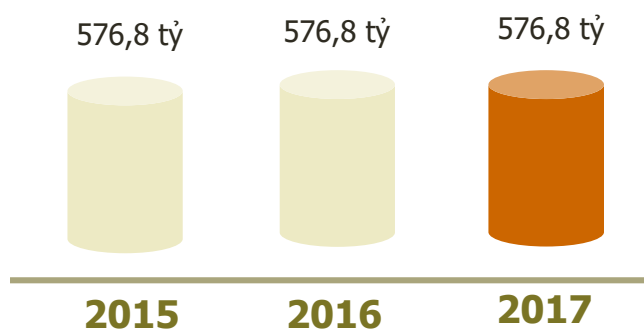
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



- Ông Nguyễn Văn Dũng Chủ tịch HĐQT nắm giữ 11,74% Cổ phần có quyền biểu quyết.
- Bà Nguyễn Thị Mai vợ ông Nguyễn Văn Dũng nắm giữ 5,13% Cổ phần có quyền biểu quyết.

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

- Trong năm 2017, vốn góp của chủ sở hữu không thay đổi.



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ VÀ CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

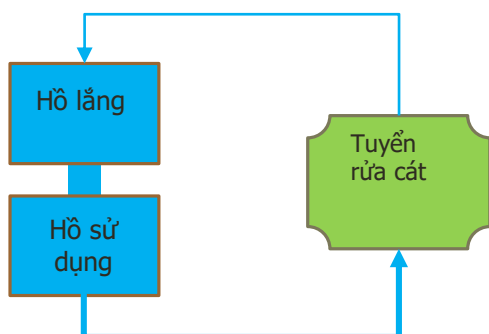
Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực khai thác, chế biến cát từ nguồn nguyên liệu chủ yếu đến từ các mỏ cát đã được cấp phép của công ty. Qua quy trình tuyển rửa, tách hạt phức tạp hơn 99% cát nguyên liệu đều ra thành phẩm, phần thải còn lại là bùn đất tự nhiên được Công ty hoàn thổ lại môi trường.

Tiêu thụ nước

Công ty được các cơ quan chức năng cấp phép để sử dụng mạch nước ngầm tại nhà máy để phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất.

Để giảm tối thiểu về nhu cầu nước phục vụ cho sản xuất Công ty đã tiến hành đào các hồ nước để dự trữ và quy trình tuyển rửa cát là hoàn toàn khép kín, lượng nước thất thoát chủ yếu là do bốc hơi.



Trách nhiệm với cộng đồng địa phương

Hàng năm Công ty đều hỗ trợ địa phương trao học bổng cho các học sinh có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ các gia đình chính sách, đóng góp và kêu gọi để nâng cấp đường xá...



Tiêu thụ năng lượng

Hoạt động vận hành dây chuyền tuyển rửa được Công ty cải tiến từ sử dụng năng lượng xăng dầu sang điện, góp phần hạn chế khí thải ra môi trường.

Với thiết bị hiện đại được đầu tư nghiên cứu kỹ nên hầu hết các thiết bị điều tiết kiệm điện mức tối đa.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

BIDICO luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, bằng việc tất cả các dự án của Công ty đều được các cơ quan chức năng thẩm tra và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động tại văn phòng khoảng 30 người, số lượng công nhân hơn 100 công nhân.

Hàng năm công ty đều có chính sách khám sức khỏe cho người lao động, tham gia các dịch vụ bảo hiểm y tế, bảo hiểm lao động cho Công nhân.

Công ty luôn tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên tham gia các khóa học đào tạo nghiệp vụ, cho Công nhân tiếp thu các kỹ năng làm việc tại các Nhà máy khác để nâng cao tay nghề. Hàng năm công ty đều tạo cơ hội cho nhân viên có năng lực lên các chức vụ quản lý cấp trung để tạo lực lượng quản trị kế thừa cho BIDICO.



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
Doanh thu	180 tỷ	27,5 tỷ	15,3 %
Lợi nhuận sau thuế	15 tỷ	-10,5 tỷ	-70%

- Do tình hình kinh doanh biến động bởi nhiều yếu tố không thuận lợi nên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm không đạt như mong muốn.

Đánh giá về kết quả thực hiện các chiến lược đã đề ra

Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành dự án nhà máy sản xuất đá ốp lát nhân tạo cao cấp

- Năm 2017, Dự án đã hoàn thành về thủ tục pháp lý nhưng chưa tiến hành khởi công xây dựng vì thị trường vốn đang khó khăn, nên HĐQT đã chủ động tìm kiếm các đối tác để cùng hợp tác thực hiện dự án.

Đẩy mạnh hoạt động của 2 nhà máy cát và gạch.

- Trong năm 2017, kỳ vọng vào sự nóng lên của BĐS, công ty đẩy mạnh sản xuất gạch nhưng do thị trường cạnh tranh khốc liệt, là sản phẩm mới nên việc phát triển kinh doanh gạch gặp nhiều khó khăn. Mảng kinh doanh cát cũng gặp nhiều khó khăn từ việc giá cát tăng vọt làm lượng cầu giảm, thêm vào chính sách hạn chế xuất khẩu cát trắng cũng ảnh hưởng không nhỏ đến công ty.

Xử lý các thông tin chưa chính xác ảnh hưởng đến hình ảnh của Công ty

- Năm 2017, hàng loạt thông tin xấu liên quan đến trụ sở của công ty, làm ảnh hưởng lớn đến hình ảnh và giá cổ phiếu trên thị trường. Nhưng HĐQT đã kịp thời chỉ đạo, xử lý, kiến nghị các cơ quan chức năng vào cuộc để xác nhận lại các thông tin trên là chưa chính xác.

Thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán

- Năm 2017, Công ty đã lựa chọn đối tác kiểm toán BCTC là Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học TP.HCM

BÁO CÁO CỦA HĐQT

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công tác tổ chức nhân sự

- Năm 2017 đánh dấu bước chuyển mới trong hoạt động nhân sự của BIDICO với việc bổ nhiệm hàng loạt các vị trí quản lý cấp trung ở độ tuổi từ 25 đến 30 tuổi, BIDICO đang xây dựng một lực lượng kế thừa dựa trên nền tảng kiến thức chuyên môn cao và kinh nghiệm thực tế, đảm bảo trong chiến lược phát triển bền vững của Công ty.
- Đầu năm 2018, HĐQT quyết định thay đổi Tổng giám đốc để điều hành công ty vượt qua giai đoạn khó khăn.

Quan hệ cổ đông/nhà đầu tư

- HĐQT đã chỉ đạo tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2017 thành công trên tinh thần công khai, minh bạch.
- Do bị ảnh hưởng bởi đà giảm sâu từ năm 2016, và ảnh hưởng từ một vài thông tin không chính xác trên thị trường nên trong năm 2017 cổ phiếu BII vẫn tiếp tục giảm.
- Cổ phiếu BII bị đưa vào diện kiểm soát đặc biệt do vi phạm về công bố thông tin. HĐQT đã kịp thời chỉ đạo và đưa ra phương hướng khắc phục.

Định hướng phát triển bền vững

- BIDICO luôn hướng đến một sự phát triển bền vững ngay cả trong nội tại công ty và hướng đến môi trường bên ngoài.
- Với đội ngũ nhân viên trẻ năng động, chính sách lương thưởng phù hợp, môi trường làm việc học tập nhiều thử thách, văn hóa hiện đại, là những cơ sở để BIDICO thu hút và giữ chân nhân tài.
- Cơ chế quản trị hiện đại, Ban kiểm soát và Ban Kiểm soát nội bộ luôn hoàn thành tốt trách nhiệm hướng đến sự vững mạnh và minh bạch trong tài chính.
- Năm 2017 BIDICO đã đóng góp hơn 100 việc làm mới tại địa phương, đồng thời tích cực triển khai nhiều hoạt động xã hội và môi trường.

BÁO CÁO CỦA HĐQT

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoạt động điều hành

- Thông qua các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất, HĐQT kết hợp cùng Ban kiểm soát đã theo dõi và chỉ đạo kịp thời hoạt động của Ban Tổng giám đốc trong thực hiện chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2017 nhằm hoàn thành mục tiêu do ĐHĐCĐ năm 2017 đã đề ra
- Chỉ đạo Ban Kiểm soát nội bộ thực hiện tốt hoạt động giám sát và tham mưu HĐQT và Ban Tổng giám đốc về quản trị rủi ro

Kết quả giám sát

- HĐQT đánh giá cao nỗ lực và tính kỷ luật của Ban Tổng Giám đốc, trong việc thực hiện các mục tiêu của năm 2017. Vì vậy trong bối cảnh gặp nhiều khó khăn, kết quả kinh doanh không thuận lợi một phần là do công tác điều hành còn nhiều hạn chế.
- Ban Tổng giám đốc đã đề xuất những thay đổi hợp lý, đảm bảo sự tăng trưởng như tái cấu trúc các đơn vị thành viên, bổ sung nguồn nhân lực trẻ cho Công ty.
- Trong quá trình điều hành hoạt động, Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết HĐQT.

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Về cơ cấu tổ chức và quản trị Công ty

- Năm 2017, HĐQT tiếp tục tái cấu trúc toàn hệ thống theo mô hình Công ty đầu tư.
- Bổ sung những nhân sự cấp cao có trình độ chuyên môn cao để điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của các Công ty con.
- Tiếp tục xây dựng, đào tạo lực lượng kế thừa cho nhu cầu phát triển sắp tới.

Về hoạt động đầu tư và kinh doanh

- Tìm kiếm đối tác để cùng đầu tư xây dựng các dự án mang tính chiến lược của Công ty.
- Thông qua nghiệp vụ M&A để cơ cấu lại tài sản của Công ty.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng mạng lưới kinh doanh.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Thành viên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu	Kiểm nhiệm trong HĐQT công ty khác
Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT Thành viên điều hành	11,74%	Không có
Ông Nguyễn Văn Hoàng	TV.HĐQT Thành viên điều hành	0,26%	Không có
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	TV.HĐQT Thành viên điều hành	0,00%	Không có
Ông Nguyễn Quốc Hồ	TV.HĐQT Thành viên điều hành	0,00%	Không có
Ông Trịnh Quốc Tuấn (tạm thay thế Ông Ngô Phát Đạt)	TV.HĐQT Thành viên điều hành	0,00%	Chủ tịch HĐQT CTY TNHH Đầu tư Bảy Kỳ Quan Thế Giới

Số buổi họp của HĐQT

Thành viên	Số buổi họp	Tỷ lệ
Ông Nguyễn Văn Dũng	7/7	100%
Ông Nguyễn Văn Hoàng	7/7	100%
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	4/7	60%
Ông Nguyễn Quốc Hồ	6/7	90%
Ông Trịnh Quốc Tuấn	2/7	30%

Nội dung kết quả các cuộc họp

Nội dung và kết quả các cuộc họp của HĐQT thể hiện qua các Nghị quyết HĐQT, cụ thể như sau:

ST T	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	34/2017/BIDICO/HĐQT-NQ	09/03/2017	Chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH Đầu tư Bảo Thư Gò Dầu
2	87/2017/BIDICO/HĐQT-NQ	16/05/2017	Tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017
3	108/2017/BIDICO/NQ-HĐQT	01/06/2017	Thông qua việc góp vốn cho Công ty TNHH MTV Đá Thạch Anh Cao Cấp BIDICO
4	70/2017/BIDICO/NQ-HĐQT	20/06/2017	Miễn nhiệm chức vụ TV.HĐQT độc lập và các chức danh khác tại Công ty của Ông Ngô Phát Đạt
5	148/2017/BIDICO/HĐQT-NQ	30/06/2017	Thông qua việc giải thể công ty TNHH Nông Sản Việt Xanh
6	250/2017/BIDICO/HĐQT-NQ	13/10/2017	Bầu bổ sung TV.HĐQT tạm thời

Đánh giá chung của HĐQT

Trong năm 2017, HĐQT BIDICO đã hoạt động tích cực, duy trì và phát huy công tác giám sát chặt chẽ đối với hoạt động của BGD nhằm đảm bảo thực hiện đúng các kế hoạch và chiến lược đã đề ra.

Công tác xây dựng chiến lược tiếp tục được cải tiến mạnh mẽ theo hướng huy động sức mạnh cả hệ thống nhằm đạt mục tiêu chung. Chủ tịch HĐQT trực tiếp chỉ đạo và giám sát việc phổ biến và thực thi mô hình xây dựng chiến lược để đảm bảo nhất quán trong định hướng ở mọi vị trí và cấp bậc.

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của BKS

Thành viên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu
Ông Ngô Đình Hoàng Đức	Trưởng ban	0,00%
Ông Phạm Tiến Trung	Thành viên	0,00%
Bà Ngô Nguyễn Khánh Trang	Thành viên	0,00%

Các cuộc họp và kết quả làm việc của BKS

STT	Ngày họp	Số lượng	Nội dung
1	15/03/2017	4/4	<ul style="list-style-type: none">- Lập kế hoạch hoạt động của BKS trong năm 2016- Xem xét, rà soát BCTC năm 2016 trước khi công bố
2	14/06/2017	4/4	<ul style="list-style-type: none">- Xem xét BCTC QII.2017- Xem xét, kiểm tra hoạt động của bộ phận kế toán nhà máy
3	09/08/2017	4/4	<ul style="list-style-type: none">- Thảo luận, xem xét BCTC QIII.2017- Rà soát lại hoạt động của BGD, xem xét kết quả thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ 2017
4	20/12/2017	4/4	<ul style="list-style-type: none">- Lập báo cáo kiểm soát năm 2017- Thảo luận BCTC QIV.2017- Đánh giá kết quả hoạt động của BGD

CÁC GIAO DỊCH ,THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Thù lao và các khoản lợi ích

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Lợi ích
1	Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT			40	
2	Ông Nguyễn Quốc Hồ	TV HĐQT			4	
3	Ông Nguyễn Văn Hoàng	TV HĐQT			4	
4	Ông Nguyễn Ngọc Sơn	TV HĐQT			4	
5	Ông Trịnh Quốc Tuấn	TV HĐQT			4	

BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Lợi ích
1	Ông Ngô Đình Hoàng Đức	Trưởng ban			3	
2	Ông Phạm Tiến Trung	Thành viên			2	
3	Bà Ngô Nguyễn Khánh Trang	Thành viên			2	

BAN GIÁM ĐỐC

STT	Họ tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Lợi ích
1	Ông Nguyễn Văn Hoàng	TGD	40			
4	Ông Lê Đình Tú	Giám đốc Tài chính	30			
5	Ông Lê Văn Thật	Kế toán trưởng	20			

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số CP sở hữu đầu kỳ		Số CP sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
Không có							

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ
ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG
NGHIỆP BẢO THỦ VÀ CÁC CÔNG TY CON**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Hội đồng Quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

1. Thông tin chung về Công ty:

Thành lập:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 3400555146 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 29/05/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 13/03/2018.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là BII kể từ ngày 29 tháng 8 năm 2014 theo Quyết định về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu số 467/QĐ-SGDHN ngày 29/8/2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 576,8 tỷ đồng

Hoạt động kinh doanh của Công ty:

Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Khai thác gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cảng biển; Nạo vét, khai thông luồng lạch); Buôn bán cao su, phân bón, hóa chất (trừ buôn bán thuốc BVTV); Buôn bán đá quý, đá bán quý, đá mỹ nghệ; Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Buôn bán máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Cho thuê xe có động cơ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Xây lắp công trình đường sắt và đường bộ (XD công trình đường bộ); Xây dựng công trình công ích (XD công trình thủy lợi); Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (bán buôn VLXD, vật liệu làm gốm sứ); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Đại lý vận tải biển); Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (cho thuê MMTB xây dựng).

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Bán buôn MMTB và phụ tùng máy khác (bán buôn MMTB và phụ tùng máy xe cơ giới; bán buôn thiết bị tàu thuyền); Đóng tàu và cấu kiện nổi (đóng tàu, sửa chữa tàu thuyền); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Bán buôn thực phẩm (bán buôn thủy sản); Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác (sản xuất cát, đá); Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự); Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ.

Tên tiếng anh: Bao Thu Industrial Development and Investment Joint Stock Company.

Tên viết tắt: BIDICO.

Mã chứng khoán: BII.

Trụ sở chính: Khu Phố 11, Phường Bình Tân, Thị Xã Lagi, Tỉnh Bình Thuận

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm kế toán của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông	Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT
Ông	Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên
Ông	Nguyễn Ngọc Sơn	Thành viên
Ông	Ngô Phát Đạt	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 30/05/2017; miễn nhiệm ngày 20/6/2017)
Ông	Nguyễn Quốc Hồ	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30/05/2017)
Ông	Trịnh Quốc Tuấn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 13/10/2017)
Ông	Phan Châu	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 30/05/2017)
Ông	Trần Trường Vũ	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 30/05/2017)

Ban Kiểm soát

Ông	Ngô Đình Hoàng Đức	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 30/05/2017)
Ông	Tăng Kỳ Anh	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 30/05/2017)
Ông	Phạm Tiến Trung	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30/05/2017)
Bà	Ngô Nguyễn Khánh Trang	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30/05/2017)
Ông	Lê Văn Thạt	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 30/05/2017)
Ông	Nguyễn Văn Phú	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 30/05/2017)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Huỳnh Thành Hiệp	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 05/3/2018)
Ông	Trịnh Quốc Tuấn	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/01/2018, miễn nhiệm ngày 05/3/2018)
Ông	Nguyễn Văn Hoàng	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/01/2018)
Ông	Vũ Tuấn Hưng	Giám đốc điều hành (Bổ nhiệm ngày 01/01/2017)
Ông	Trần Trường Vũ	Giám đốc dự án (Bổ nhiệm ngày 01/01/2017)
Ông	Lê Đình Tú	Giám đốc tài chính (Bổ nhiệm ngày 01/01/2017, miễn nhiệm ngày 11/12/2017)
Ông	Lê Văn Thạt	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 01/01/2017)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Ông	Huỳnh Thành Hiệp	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 13/3/2018)
Ông	Trịnh Quốc Tuấn	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 24/01/2018, miễn nhiệm ngày 13/3/2018)
Ông	Nguyễn Văn Hoàng	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 24/01/2018)

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận của Hội đồng Quản trị

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Bình Thuận, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Thay mặt Hội đồng Quản trị



NGUYỄN VĂN DŨNG

Chủ tịch HĐQT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Kính gửi:

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư và các công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2018, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

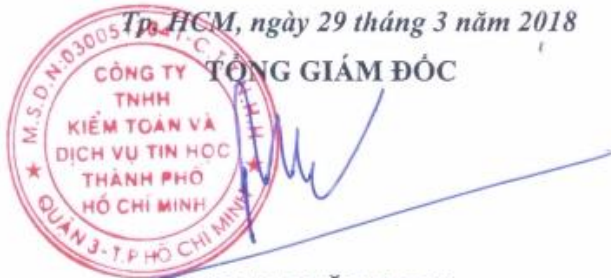
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
(tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 30 tháng 3 năm 2017.



PHẠM VĂN VINH

Số GCNĐKHNKT: 0112-2018-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN

A blue ink signature is written over a horizontal line.

LÊ HÙNG DŨNG

Số GCNĐKHNKT: 3174-2015-05-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

VÀ CÁC CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt
Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	12/31/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		451,341,715,050	425,300,520,858
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	10,196,348,291	2,493,140,005
1. Tiền	111		10,196,348,291	2,493,140,005
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		424,811,852,316	406,723,627,809
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	8,650,395,681	24,985,894,284
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	149,167,334,216	110,735,420,403
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	268,745,501,605	272,311,670,615
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.2,4	(1,891,722,383)	(1,416,450,690)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		140,343,197	107,093,197
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	4,341,862,553	3,051,554,002
1. Hàng tồn kho	141		4,877,875,792	3,051,554,002
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(536,013,239)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11,991,651,890	13,032,199,043
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	245,775,416	106,681,859
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10,042,252,474	9,926,116,288
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12b	1,703,624,000	2,999,400,896
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	12/31/2017	01/01/2017
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		384,710,303,490	382,450,942,092
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3,663,185,000	2,914,376,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.3	2,375,534,310	3,638,726,310
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	2,215,520,000	2,330,540,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.3	(927,869,310)	(3,054,890,310)
II. Tài sản cố định	220		101,563,791,477	51,827,497,533
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	81,158,655,848	28,871,719,952
- Nguyên giá	222		90,772,212,695	33,305,270,848
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9,613,556,847)	(4,433,550,896)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.8	20,405,135,629	22,955,777,581
- Nguyên giá	225		25,506,419,533	25,506,419,533
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(5,101,283,904)	(2,550,641,952)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.9	214,560,661,518	279,737,656,958
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	685,038,874
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		214,560,661,518	279,052,618,084
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		64,922,665,495	47,971,411,601
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	64,922,665,495	47,971,411,601
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		836,052,018,540	807,751,462,950

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	12/31/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		220,729,631,820	199,986,699,591
I. Nợ ngắn hạn	310		175,853,775,235	139,961,695,307
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.11	17,424,594,036	16,470,434,960
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		139,343,882	992,137,248
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12a	14,981,054,929	17,053,304,418
4. Phải trả người lao động	314		1,472,025,856	835,875,767
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	57,498,819,327	57,677,490,142
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	44,422,370,686	11,103,996,834
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	39,915,566,519	35,828,455,938
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		44,875,856,585	60,025,004,284
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	44,875,856,585	60,025,004,284
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	12/31/2017	01/01/2017
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		615,322,386,720	607,764,763,359
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	615,322,386,720	607,764,763,359
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		576,800,000,000	576,800,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		576,800,000,000	576,800,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25,458,299,938	27,453,616,477
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		27,453,616,477	20,285,022,626
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1,995,316,539)	7,168,593,851
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		13,064,086,782	3,511,146,882
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		836,052,018,540	807,751,462,950

NGƯỜI LẬP BIỂU



HỒ TRƯƠNG NGUYỄN KHÔI

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ VĂN THẬT

Bình Thuận, ngày 28 tháng 3 năm 2018



HUỲNH THÀNH HIỆP

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	27,555,308,135	140,474,799,822
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	77,144,314	37,372,562
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	27,478,163,821	140,437,427,260
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	23,277,506,774	114,535,317,184
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		4,200,657,047	25,902,110,076
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	10,661,164,529	2,143,840,873
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	8,196,283,958	4,925,604,672
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		8,196,107,037	4,360,634,454
8. Phần lãi (/hoặc lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6a	4,971,941,334	11,300,559,310
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6b	8,079,343,515	12,879,819,989
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		(6,385,747,231)	(1,060,033,022)
12. Thu nhập khác	31		424,703,236	8,294,928,364
13. Chi phí khác	32		3,957,896,716	726,161,633
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(3,533,193,480)	7,568,766,731
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(9,918,940,711)	6,508,733,709
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	586,672,603	155,031,453
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.7	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(10,505,613,314)	6,353,702,256
Cổ đông của Công ty mẹ	61		(9,741,978,688)	7,168,593,851
Cổ đông không kiểm soát	62		(763,634,627)	(814,891,595)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(169)	124
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	(169)	124

NGƯỜI LẬP BIỂU



HỒ TRƯƠNG NGUYỄN KHÔI

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ VĂN THẬT

Bình Thuận, ngày 28 tháng 3 năm 2018



HUỶNH THÀNH HIỆP

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(9,918,940,711)	6,508,733,709
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7,8	8,209,811,418	5,102,634,365
- Các khoản dự phòng	03	VI.3,6	(1,115,736,068)	892,042,345
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(12,503,810,137)	(1,474,910,451)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	8,196,107,037	4,360,634,454
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(7,132,568,461)	15,389,134,422
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(40,207,117,517)	21,104,975,253
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(1,826,321,790)	17,444,441,187
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		52,344,444,211	(32,029,158,990)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(17,090,347,451)	(39,714,530,232)
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(8,196,107,037)	(3,832,182,744)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2,218,817,777)	(3,370,000,000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		16,914,378,489	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7,412,457,333)	(25,007,321,105)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(10,048,417,911)	(48,115,593,579)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		1,363,636,363	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		30,048,931,850	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4,813,552,435	1,474,910,451
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		26,177,702,737	(46,640,683,128)

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	40,064,717,787	137,662,311,019
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(47,568,670,837)	(69,737,483,007)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(3,558,084,068)	(4,302,018,765)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(11,062,037,118)	63,622,809,247
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50	7,703,208,286	(8,025,194,986)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2,493,140,005	10,518,334,990
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	<u>10,196,348,291</u>
			<u>2,493,140,005</u>

NGƯỜI LẬP BIỂU



HỒ TRƯƠNG NGUYỄN KHÔI

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ VĂN THẬT

Bình Thuận, ngày 28 tháng 3 năm 2018



HUỲNH THÀNH HIỆP

VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: Đồng Việt
Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thur ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 3400555146 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 29/05/2008 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 19 ngày 13/03/2018.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là BII kể từ ngày 29 tháng 8 năm 2014 theo Quyết định về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu số 467/QĐ-SGDHN ngày 29/8/2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Trụ sở chính: Khu Phố 11, Phường Bình Tân, Thị Xã Lagi, Tỉnh Bình Thuận

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Khai thác - sản xuất - thương mại - dịch vụ - xây dựng

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Khai thác gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cảng biển; Nạo vét, khai thông luồng lạch); Buôn bán cao su, phân bón, hóa chất (trừ buôn bán thuốc BVTV); Buôn bán đá quý, đá bán quý, đá mỹ nghệ; Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Buôn bán máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Cho thuê xe có động cơ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Xây lắp công trình đường sắt và đường bộ (XD công trình đường bộ); Xây dựng công trình công ích (XD công trình thủy lợi); Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (bán buôn VLXD, vật liệu làm gốm sứ); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Đại lý vận tải biển); Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (cho thuê MMTB xây dựng).

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Bán buôn MMTB và phụ tùng máy khác (bán buôn MMTB và phụ tùng máy xe cơ giới; bán buôn thiết bị tàu thuyền); Đóng tàu và cấu kiện nổi (đóng tàu, sửa chữa tàu thuyền); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Bán buôn thực phẩm (bán buôn thủy sản); Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác (sản xuất cát, đá); Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự); Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất: Không có.**6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2017: 108 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2016: 82 nhân viên).****7. Cấu trúc doanh nghiệp****7.1. Tổng số các Công ty con:**

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 08 công ty con.

7.2. Danh sách các công ty con được hợp nhất:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có tám (08) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên Công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bình Thuận	Khai thác, sản xuất, thương mại và dịch vụ	100.00%	100.00%	100.00%
Địa chỉ: LCCN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.				
Công ty TNHH MTV BĐS và XD Bình Thuận	Xây dựng, thương mại và dịch vụ	100.00%	100.00%	100.00%
Địa chỉ: Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam				
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Gỗ Bình Thuận	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	76.19%	76.19%	76.19%
Địa chỉ: Thôn Bàu Diên (Cụm CN Thắng Hải), xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.				
Công ty TNHH MTV VLXD BIDICO	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	100.00%	100.00%	100.00%
Địa chỉ: Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.				
Công ty TNHH MTV Đá Thạch Anh Cao cấp BIDICO	Sản xuất	100.00%	100.00%	100.00%
Địa chỉ: Lô A4, Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận				
Công ty TNHH Địa ốc Tân Bửu	Dịch vụ	94.34%	94.34%	94.34%
Địa chỉ: BN2 - KL15, Khu dân cư phường Thống Nhất, phường Thống Nhất, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.				
Công ty TNHH Vận tải Thắng Hải	Dịch vụ	52.00%	52.00%	52.00%
Địa chỉ: Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.				
Công ty TNHH Kỹ Nghệ Gỗ Lam Sơn	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	51.00%	51.00%	51.00%
Địa chỉ: KCN Phú Mỹ 1, Thị Trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam.				

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất:

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II.NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1.Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III.CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1.Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư sửa đổi, bổ sung.

Công ty áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính.

2.Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV.CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1.Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công Ty Cổ phần Đầu Tư Và Phát Triển Công Nghiệp Bảo Thụ và các Công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Các Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát các Công ty con, và chấm dứt vào ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát các Công ty con.

Các báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cùng kỳ kế toán với Công Ty Cổ phần Đầu Tư Và Phát Triển Công Nghiệp Bảo Thụ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công Ty Cổ phần Đầu Tư Và Phát Triển Công Nghiệp Bảo Thụ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công Ty Cổ phần Đầu Tư Và Phát Triển Công Nghiệp Bảo Thụ.

Tất cả các số dư giữa các đơn vị trong cùng Công ty và các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Công ty, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Công ty đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản cũng được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các Công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

2.Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,...

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, thành phẩm và hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế là giá thành thực tế của tài sản cố định tự xây dựng hoặc tự chế, cộng (+) chi phí lắp đặt, chạy thử. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm do mình sản xuất ra để chuyển thành tài sản cố định thì nguyên giá là chi phí sản xuất sản phẩm đó cộng (+) các chi phí trực tiếp liên quan đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trong các trường hợp trên, mọi khoản lãi nội bộ không được tính vào nguyên giá của tài sản đó.

5.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính:

Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính: Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Tất cả các khoản thuê khác không phải là thuê tài chính đều được xem là thuê hoạt động.

5.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 06 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí các công trình, dự án...

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí quyền khai thác cát, chi phí công cụ dụng cụ...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng. Riêng quyền sử dụng đất được phân bổ theo thời gian thuê.

8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa Công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận là tổng số tiền phải trả tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả bao gồm trích trước chi phí thi công cơ sở hạ tầng, tiền thuê đất... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận,...

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, tiền ứng vốn và các doanh thu hoạt động tài chính khác.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi vay và các chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong kỳ làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong kỳ và hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành của Công ty là: 20%.

17. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

18. Công cụ tài chính:

Ghi nhận ban đầu:

Tài sản tài chính

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

19. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

20. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	12/31/2017		01/01/2017	
Tiền	10,196,348,291		2,493,140,005	
Tiền mặt	55,100,297		165,236,952	
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10,141,247,994		2,327,903,053	
Cộng	10,196,348,291		2,493,140,005	
2. Phải thu của khách hàng	12/31/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	8,650,395,681	(533,139,031)	24,985,894,284	(513,336,165)
Khách hàng trong nước	8,650,395,681	(533,139,031)	24,985,894,284	(513,336,165)
<i>Công ty TNHH MTV Cát Tường</i>	-	-	24,047,100,000	-
<i>Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Hiền</i>	1,967,583,400	-	-	-
<i>DNTN Hạ Tiến</i>	3,520,400,000	-	-	-
<i>Các khách hàng khác</i>	3,162,412,281	(533,139,031)	938,794,284	(513,336,165)
Cộng	8,650,395,681	(533,139,031)	24,985,894,284	(513,336,165)

3. Trả trước cho người bán	12/31/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	149,167,334,216	-	110,735,420,403	-
<i>Công ty TNHH MTV Cát Tường (*)</i>	49,000,000,800	-	-	-
<i>Công ty TNHH DV VT XD Á Châu</i>	4,844,717,211	-	4,844,717,211	-
<i>Công ty TNHH NL Gốm sứ - XD Thiên Lợi (**)</i>	77,975,000,000	-	75,000,000,000	-
<i>Công ty TNHH VLXD Phước Bình</i>	4,400,000,000	-	20,000,000,000	-
<i>Công ty TNHH Vận tải và Xây lắp Phan Nguyễn</i>	2,658,700,000	-	2,158,700,000	-
<i>Công ty TNHH XD - TM Vũ Ngô</i>	2,450,000,000	-	2,250,000,000	-
<i>Các đối tượng khác</i>	7,838,916,205	-	6,482,003,192	-
b. Dài hạn	2,375,534,310	(927,869,310)	3,638,726,310	(3,054,890,310)
<i>Trung tâm quy hoạch và Đầu tư tài Nguyên nước</i>	1,265,000,000	(401,171,000)	1,265,000,000	(1,265,000,000)
<i>Công ty TNHH SX-XD-TM Hoàng Thông</i>	-	-	1,263,192,000	(1,263,192,000)
<i>Các đối tượng khác</i>	1,110,534,310	(526,698,310)	1,110,534,310	(526,698,310)
Cộng	151,542,868,526	(927,869,310)	114,374,146,713	(3,054,890,310)

(*) Khoản ứng trước cho Công ty TNHH Cát Tường theo hợp đồng cung cấp máy móc thiết bị số 012/2015/HĐMB/SIBICO-CT ngày 17/09/2015.

(**) Trả trước Công ty TNHH Nguyên liệu Gốm sứ và Xây dựng Thiên Lợi gồm các Hợp đồng sau:

Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/2017/Bidico_TL ngày 01/05/2017 về việc thi công hạ tầng CCN Tân Bình, địa điểm xây dựng tại thôn Bình An 2, xã Tân Bình, Thị xã Lagi, Tỉnh Bình Thuận. Số dư cuối năm là 70.875.000.000 VND.

Hợp đồng mua Cát nguyên liệu số 10/HĐKT/SIBICO-TL ngày 01 tháng 10 năm 2017. Số dư cuối năm là 7.100.000.000 VND.

4. Phải thu khác	12/31/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	268,745,501,605	(1,358,583,352)	272,311,670,615	(903,114,525)
Tạm ứng	91,503,241,325	-	112,712,150,251	-
- Võ Kim Nguyên (*)	20,510,980,000	-	83,285,680,000	-
- Võ Phú Nông (**)	65,781,112,850	-	20,000,000,000	-
- Các đối tượng khác	5,211,148,475	-	9,426,470,251	-
Ký quỹ ngắn hạn	3,000,000	-	51,600,000	-
Các khoản phải thu khác	177,239,260,280	(1,358,583,352)	159,547,920,364	(903,114,525)
- Công ty TNHH MTV Cát Tường	-	-	6,000,000,000	-
- Công ty TNHH Đầu tư Nam Việt Quốc (***)	153,673,843,750	-	147,826,343,750	-
- Ông Phan Châu	-	-	648,150,000	-
- Các khoản cho mượn khác	23,505,416,530	(1,358,583,352)	2,878,139,371	(903,114,525)
- Khác khoản phải thu khác	60,000,000	-	2,195,287,243	-
b. Dài hạn	2,215,520,000	-	2,330,540,000	-
Các đối tượng khác	2,215,520,000	-	2,330,540,000	-
Cộng	<u>270,961,021,605</u>	<u>(1,358,583,352)</u>	<u>274,642,210,615</u>	<u>(903,114,525)</u>

(*) Khoản mục phải thu về tạm ứng của ông Võ Kim Nguyên là 20.510.980.000 VND; đây là khoản tiền công ty chi ra để thực hiện dự án đền bù mở cát Tân Phước tại Bình Thuận, và người đại diện xử lý việc đền bù dự án này là ông Võ Kim Nguyên, tuy nhiên việc đền bù dự án kéo dài chưa hoàn tất thủ tục nên chưa thể tất toán khoản phải thu tạm ứng của ông Võ Kim Nguyên. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, Ban Giám Đốc công ty đã xem xét và tin rằng tiến độ triển khai dự án vẫn theo kế hoạch đề ra.

(**) Khoản mục phải thu về tạm ứng ông Võ Phú Nông là 65.781.112.850 VND đây là khoản tiền công ty chi ra để thực hiện dự án Khu đô thị sinh thái Tân Bửu giai đoạn 1 quy mô 49,33ha tại phường Tân Vạn - Bửu Hòa, Tp Biên Hòa, Đồng Nai theo QĐ số 340/UBND-ĐT ngày 11/01/2017 và người đại diện xử lý việc đền bù dự án này là ông Võ Phú Nông, tuy nhiên việc đền bù dự án kéo dài chưa hoàn tất thủ tục nên chưa thể tất toán khoản phải thu tạm ứng của ông Võ Phú Nông.

(***) Phải thu Công ty TNHH Đầu tư Nam Việt Quốc 153.673.843.750 VND là khoản phải thu về chuyển nhượng cổ phần của công ty CP Đầu tư và Khoáng sản Vico Quảng Trị, trong đó tổng giá trị chuyển nhượng là: 142.100.000.000 VND và lãi phát sinh từ việc chậm hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng theo quy định của hợp đồng là: 11.573.843.750 VND.

5. Nợ xấu: Xem trang 37.

6.Hàng tồn kho	12/31/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	4,329	-	40,393,750	-
Nguyên liệu, vật liệu	1,417,688,715	(24,701,600)	352,944,214	-
Chi phí SX, KD dở dang	464,491,908	(122,567,493)	200,008,581	-
Thành phẩm	1,826,388,017	(388,744,146)	50,951,095	-
Hàng hoá	1,169,302,823	-	2,407,256,362	-
Cộng	4,877,875,792	(536,013,239)	3,051,554,002	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 536.013.239 VND

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: Không có.

- Lý do dẫn đến việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Những sản phẩm trong giai đoạn bắt đầu đi vào sản xuất, đã không đạt chất lượng yêu cầu nên giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc ghi nhận trên sổ sách.

7.Tài sản cố định hữu hình: Xem trang 38.

8.Tài sản cố định thuê tài chính	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	25,506,419,533	25,506,419,533
Số dư cuối năm	25,506,419,533	25,506,419,533
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	2,550,641,952	2,550,641,952
<i>Khấu hao trong năm</i>	2,550,641,952	2,550,641,952
Số dư cuối năm	5,101,283,904	5,101,283,904
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	- 22,955,777,581-	22,955,777,581
Số dư cuối năm	- 20,405,135,629-	20,405,135,629

* Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong kỳ: 0 VND.

9.Tài sản dở dang dài hạn	12/31/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Xây dựng cơ bản dở dang	214,560,661,518	-	279,052,618,084	-
- Xây dựng cơ bản	214,560,661,518	-	279,052,618,084	-
<i>Công trình nhà máy Cát</i>	<i>3,730,010,828</i>	-	<i>1,111,711,639</i>	-
<i>Công trình Cụm công nghiệp Thăng Hải I (*)</i>	<i>9,737,090,442</i>	-	<i>24,633,879,136</i>	-
<i>Công trình Cụm công nghiệp Thăng Hải II (*)</i>	<i>91,903,844,157</i>	-	<i>96,065,411,795</i>	-
<i>Công trình Cụm công nghiệp Tân Bình</i>	<i>11,430,676,714</i>	-	<i>6,454,772,185</i>	-
<i>Công trình khu chuyển tải Lagi - Bình Thuận (**)</i>	<i>67,934,488,007</i>	-	<i>67,934,488,007</i>	-

9. Tài sản dở dang dài hạn	12/31/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Chi phí mua sắm máy móc thiết bị	16,934,898,461	-	16,934,898,461	-
Chi phí đầu tư xây dựng nhà xưởng và văn phòng	7,815,295,196	-	7,735,295,196	-
Công trình khác	5,074,357,713	-	111,098,222	-
Dự án XD, lắp đặt và chuyển giao dây chuyền gạch Tuynel	-	-	58,071,063,443	-
Cộng	214,560,661,518	-	279,052,618,084	-

(*) Là các chi phí giải tỏa, xây dựng cơ bản của các công trình.

(**) Bao gồm:

- Quyền sử dụng đất: 1.739.836.105 VND.

- Tài sản khu dịch vụ đất cảng Lagi: 32.033.148.574 VND

- Các chi phí xây dựng và tài sản khác: 34.161.503.328 VND

10. Chi phí trả trước	12/31/2017	01/01/2017
Chi phí trả trước ngắn hạn	245,775,416	106,681,859
Công cụ, dụng cụ và các chi phí khác	245,775,416	106,681,859
Chi phí trả trước dài hạn	64,922,665,495	47,971,411,601
Chi phí liên quan đến mỏ cát trắng Tân Phước chờ phân bổ	8,370,313,072	7,904,427,072
Chi phí quyền KT khoáng sản cát tận thu tại CCN Thắng Hải 2	342,824,368	590,940,649
Quyền sử dụng đất chờ phân bổ	54,205,815,851	39,058,375,105
Chi phí trả trước khác	2,003,712,204	417,668,775
Cộng	65,168,440,911	48,078,093,460

11. Phải trả người bán	12/31/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	17,424,594,036	17,424,594,036	16,470,434,960	16,470,434,960
Nhà cung cấp trong nước	17,424,594,036	17,424,594,036	16,470,434,960	16,470,434,960
Công ty TNHH MTV Máy móc Nam Anh	2,345,268,960	2,345,268,960	2,645,268,960	2,645,268,960
Công ty CP DV XNK Nhật Minh	2,000,000,000	2,000,000,000	3,000,000,000	3,000,000,000
Công ty TNHH TM VLXD Xây lắp Kim Châu	660,032,934	660,032,934	1,009,648,134	1,009,648,134
Công ty TNHH XNK T&G Trường Giang	3,096,500,000	3,096,500,000	3,255,820,000	3,255,820,000
Các nhà cung cấp khác	9,322,792,142	9,322,792,142	6,559,697,866	6,559,697,866
Cộng	17,424,594,036	17,424,594,036	16,470,434,960	16,470,434,960

Thuế và các khoản phải nộp

12. nhà nước	Số phải nộp		Số đã thực nộp/khấu trừ/được giảm trong năm	
	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/khấu trừ/được giảm trong năm	12/31/2017
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1,065,510,091	4,244,420,958	3,431,787,822	304,151,712
Thuế TNDN	3,477,429,179	586,672,603	2,218,817,777	1,845,284,006
Thuế thu nhập cá nhân	160,350,709	83,450,178	4,608,648	239,192,239
Thuế tài nguyên	2,725,682,255	323,288,490	745,180,150	2,303,790,595

Thuế nhà đất và tiền thuê đất	183,275,026 (183,275,026)	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	847,579,219	847,579,219
Các khoản tiền phạt thuế	9,436,557,158	-	9,436,557,158
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4,500,000	23,198,750	23,198,750
Cộng	17,053,304,418	5,925,335,172	6,423,593,147
			14,981,054,929

b. Phải thu	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	12/31/2017
Thuế GTGT nộp thừa tại chi nhánh	1,995,776,896	-	-	700,000,000
Ứng tiền thi công hệ thống đèn chiếu sáng và hệ thống thoát nước ngoài hàng rào KCN Thăng Hải	1,000,000,000	-	-	1,000,000,000
Thuế xuất, nhập khẩu	3,624,000	-	-	3,624,000
Cộng	2,999,400,896	-	-	1,703,624,000

13. Chi phí phải trả

	12/31/2017	01/01/2017
a. Ngắn hạn	57,498,819,327	57,677,490,142
Chi phí thi công CSHT tại KCN Thăng Hải I (*)	13,624,193,481	13,213,829,845
Chi phí thi công CSHT tại KCN Thăng Hải II (*)	23,779,248,760	23,779,248,760
Tiền thuê đất CCN Thăng Hải I và II phải trả	15,661,800,000	19,167,940,078
Chi phí lãi vay phải trả	1,425,659,700	533,167,310
Chi phí phải trả khác	3,007,917,386	983,304,149
Cộng	57,498,819,327	57,677,490,142

(*) Là các chi phí thi công cơ sở hạ tầng, liên quan đến phần diện tích đã chuyển nhượng tại KCN Thăng Hải I & Thăng Hải II

14. Phải trả khác			12/31/2017	01/01/2017
a. Ngắn hạn				
Tài sản thừa chờ giải quyết			159,609,523	179,232,421
Các khoản bảo hiểm			192,715,794	164,716,665
Các khoản phải trả, phải nộp khác			44,070,045,369	10,760,047,748
- Nguyễn Thị Mai			1,191,853,047	2,887,753,081
- Nguyễn Văn Dũng			435,000,000	400,000,000
- Công ty TNHH MTV Cát Tường			15,792,900,000	-
- Phải trả tiền cấp quyền khai thác KS cho cục Thuế Bình Thuận			931,772,000	465,886,000
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp bổ sung cho nhà nước			2,697,732,795	1,793,041,952
- Các khoản phải trả khác			23,020,787,527	5,213,366,715
Cộng			44,422,370,686	11,103,996,834
b. Bên liên quan			43,100	01/01/2017
- Nguyễn Thị Mai			1,191,853,047	2,887,753,081
- Nguyễn Văn Dũng			435,000,000	400,000,000
Cộng			1,626,896,147	3,287,753,081
15. Vay và nợ thuê tài chính			12/31/2017	01/01/2017
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	39,915,566,519	39,915,566,519	35,828,455,938	35,828,455,938
+ Tại Công Ty CP Đầu Tư Và Phát Triển Công Nghiệp Bảo Thụ	7,937,019,130	7,937,019,130	6,684,709,472	6,684,709,472
(1) Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN HCM	42,282,290	42,282,290	140,920,000	140,920,000
Ngân Hàng TMCP XNK Việt Nam - CN HCM	-	-	110,400,000	110,400,000
(2) Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - CN Gia Định	7,894,736,840	7,894,736,840	6,433,389,472	6,433,389,472
+ Tại Công ty TNHH MTV CB cát Bình Thuận	17,830,800,000	17,830,800,000	16,830,800,000	16,830,800,000
(3) Ngân hàng Agribank-CN Bình Thuận	17,730,000,000	17,730,000,000	16,730,000,000	16,730,000,000
(4) Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Gia Định	100,800,000	100,800,000	100,800,000	100,800,000
+ Tại Công ty TNHH MTV Vật Liệu Xây Dựng BIDICO	8,319,608,697	8,319,608,697	7,619,835,086	7,619,835,086
(5) NH TMCP Sài Gòn - CN. Gia Định	2,719,608,697	2,719,608,697	2,019,835,086	2,019,835,086
(6) NH TMCP Sài Gòn - CN. Gia Định	5,600,000,000	5,600,000,000	5,600,000,000	5,600,000,000

15.Vay và nợ thuê tài chính	12/31/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp theo)				
+ Tại Công Ty TNHH Vận Tải Thăng Hải	5,828,138,692	5,828,138,692	4,693,111,380	4,693,111,380
(7) Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	5,828,138,692	5,828,138,692	4,693,111,380	4,693,111,380
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	44,875,856,585	44,875,856,585	60,025,004,284	60,025,004,284
+ Tại Công Ty CP Đầu Tư Và Phát Triển Công Nghiệp Bảo Thư	15,232,018,688	15,232,018,688	21,808,448,160	21,808,448,160
Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN HCM	-	-	43,040,000	43,040,000
Ngân Hàng TMCP XNK Việt Nam - CN HCM	-	-	237,200,000	237,200,000
(2) Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - CN Gia Định	15,232,018,688	15,232,018,688	21,528,208,160	21,528,208,160
+ Tại Công ty TNHH MTV CB cát Bình Thuận	222,800,000	222,800,000	323,600,000	323,600,000
(4) Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Gia Định	222,800,000	222,800,000	323,600,000	323,600,000
+ Tại Công ty TNHH MTV Vật Liệu Xây Dựng BIDICO	19,643,722,526	19,643,722,526	23,422,529,373	23,422,529,373
(6) NH TMCP Sài Gòn - CN. Gia Định	19,643,722,526	19,643,722,526	23,422,529,373	23,422,529,373
+ Tại Công Ty TNHH Vận Tải Thăng Hải	9,777,315,371	9,777,315,371	14,470,426,751	14,470,426,751
(7) Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	9,777,315,371	9,777,315,371	14,470,426,751	14,470,426,751
Cộng	84,791,423,104	84,791,423,104	95,853,460,222	95,853,460,222

Thuyết minh chi tiết các khoản vay như sau:

+ Tại Công Ty CP Đầu Tư Và Phát Triển Công Nghiệp Bảo Thư

(1) Khoản vay Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN HCM gồm có hợp đồng vay sau:

Hợp đồng tín dụng số SME/HCM/14/0134/HĐTD ngày 07/04/2014. Số dư cuối năm: 108.080.000 VND. Thời hạn vay: 48 tháng. Lãi suất vay: 15%/năm. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe Ford Everest. Biện pháp bảo đảm: Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

(2) *Khoản vay Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - CN Gia Định gồm có các hợp đồng vay sau:*

Hợp đồng tín dụng số 338/HĐTD-SCB-CNGĐ.16 ngày 03/08/2016. Số dư cuối năm: 450.800.000 VND. Thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất vay: 11%/năm. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe Mitsubishi Pajero. Biện pháp bảo đảm: Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

Hợp đồng tín dụng số 182/HĐTD-SCB-CNGĐ.16 ngày 06/05/2016 và 6 phụ lục bổ sung với số tiền được vay là 30 tỷ đồng. Số dư cuối năm: 22.675.955.528 VND. Thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất vay: 11%/năm. Mục đích vay: Hoàn lại phần vốn tự có mà Công ty CP Đầu tư và Phát triển CN Bảo Thư đã sử dụng để đầu tư dự án "Nhà máy Chế biến Cát Bình Thuận" tại Lô A1, Cụm Công nghiệp Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận. Biện pháp bảo đảm: Thế chấp cổ phần thông thường do BII phát hành và tài sản của bên thứ ba là quyền sử dụng đất tại xã Phước Bình, Hàm Tân, Bình Thuận.

+ Tại Công ty TNHH MTV Chế biến cát Bình Thuận

(3) *Khoản vay Ngân hàng Agribank-CN Bình Thuận gồm có hợp đồng vay sau:*

Hợp đồng số: 1SIBICO/2017/HĐTD, ngày 23/03/2017. Tổng hạn mức vay: 20.000.000.000 đồng bằng VND hoặc ngoại tệ tương đương. Thời hạn vay: theo từng khế ước nhận nợ (thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng). Lãi suất: theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, cấp bảo lãnh. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng của 4 thửa đất với tổng giá trị là: 22.635.286.000 VND.

(4) *Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Gia Định gồm có các hợp đồng vay sau:*

Hợp đồng số: 102/HĐTD-SCB-CNGĐ.16, ngày 10/03/2016. Số tiền vay: 500.000.000 VNĐ. Thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất cho vay: theo từng khế ước nhận nợ. Mục đích vay: Mua phương tiện vận tải. Tài sản đảm bảo: Xe Toyota HILUX 2.5 MT; Số khung: MR0JS8DD9G0395446; Số máy: 2KDU855098; Biển số: 86C-068.28. Trị giá: 688.000.000 VND

+ Tại Công ty TNHH MTV Vật Liệu Xây Dựng BIDICO

(5) *Khoản vay ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN. Gia Định gồm có hợp đồng vay sau:*

Vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 72/HĐTDHM-SCB-CNGD ngày 24/02/2016, hạn mức vay là 3 tỷ đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay: theo từng giấy nhận nợ. Số dư cuối năm: 2.719.608.697 đồng. Lãi suất vay: 8,5% - 9%/năm. Biện pháp bảo đảm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình trên đất thuộc dự án "Nhà máy gạch Tuynel BIDICO" tại tỉnh Bình Thuận và máy móc, thiết bị hình thành trong tương lai thuộc dự án này.

(6) *Khoản vay ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN. Gia Định gồm có hợp đồng vay sau:*

Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 69/HĐTDHM-SCB-CNGĐ.16 ngày 24/02/2016, hạn mức vay là 31 tỷ đồng. Mục đích vay: Đầu tư xây dựng hệ thống nhà máy gạch Tuynel tại cụm công nghiệp Thắng Hải 1 tại tỉnh Bình Thuận giai đoạn 1. Thời hạn vay: 72 tháng. Số dư cuối năm: 25.243.722.526 đồng. Lãi suất vay: 11%/năm. Biện pháp bảo đảm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình trên đất thuộc dự án "Nhà máy gạch Tuynel BIDICO" tại tỉnh Bình Thuận và máy móc, thiết bị hình thành trong tương lai thuộc dự án này.

+ Tại Công Ty TNHH Vận Tải Thắng Hải

(7) *Khoản thuê tài chính của Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam có hợp đồng sau:*

Hợp đồng số 2015-00226-000. Ngày thuê 20/11/2015. Thời hạn vay: 5 năm. Lãi suất vay: 8,3%/năm. Khoản đi thuê tài chính do Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bảo Thư bảo lãnh.

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu:

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	576,800,000,000	20,285,022,626	3,247,538,477	600,332,561,103
Lợi nhuận	-	7,168,593,851	(814,891,595)	6,353,702,256
Tăng khác	-	-	1,078,500,000	1,078,500,000
Số dư cuối năm trước	576,800,000,000	27,453,616,477	3,511,146,882	607,764,763,359
Số dư đầu năm nay	576,800,000,000	27,453,616,477	3,511,146,882	607,764,763,359
Lợi nhuận	-	(9,741,978,688)	(763,634,627)	(10,505,613,315)
Tăng/(giảm) khác (*)	-	7,746,662,149	10,316,574,527	18,063,236,676
Số dư cuối năm nay	576,800,000,000	25,458,299,938	13,064,086,782	615,322,386,720

(*) Trong năm Công ty chuyển nhượng lại một phần vốn đầu tư Công ty TNHH MTV Công Nghiệp Gỗ Bình Thuận (nhưng không mất quyền kiểm soát)

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017	Năm 2016
Vốn góp của chủ sở hữu	576,800,000,000	576,800,000,000
Vốn góp đầu năm	576,800,000,000	576,800,000,000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	576,800,000,000	576,800,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

c. Cổ phiếu

	12/31/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57,680,000	57,680,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	57,680,000	57,680,000
Cổ phiếu phổ thông	57,680,000	57,680,000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57,680,000	57,680,000
Cổ phiếu phổ thông	57,680,000	57,680,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu	10,000	10,000

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	12/31/2017		01/01/2017	
	Nguyên tệ	Giá trị (VND)	Nguyên tệ	Giá trị (VND)
USD	\$ 426.96	10,157,386	\$ 450.96	10,128,715
Nợ khó đòi đã xử lý		1,578,262,208		1,494,533,208
Cộng		1,588,419,594		1,504,661,923

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Doanh thu

	Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	19,777,511,905	140,474,799,822
Doanh thu hoạt động cho thuê đất	5,324,751,600	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2,453,044,630	-
Cộng	27,555,308,135	140,474,799,822

	Năm 2017	Năm 2016
b.Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	77,144,314	37,372,562
Cộng	77,144,314	37,372,562
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
2.vụ	Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	19,700,367,591	140,437,427,260
Doanh thu thuần hoạt động cho thuê đất	5,324,751,600	-
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	2,453,044,630	-
Cộng	27,478,163,821	140,437,427,260
3.Giá vốn hàng bán	Năm 2017	Năm 2016
Giá vốn của hàng hóa đã bán	15,845,145,095	114,535,317,184
Giá vốn hoạt động cho thuê đất	4,426,599,927	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2,469,748,513	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	536,013,239	-
Cộng	23,277,506,774	114,535,317,184
4.Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi	3,510,259	11,566,701
Lãi chênh lệch tỷ giá	154,270	668,930,422
Lãi ứng tiền trước	10,657,500,000	1,463,343,750
Cộng	10,661,164,529	2,143,840,873
5.Chi phí tài chính	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí lãi vay, lãi thuê tài chính	8,196,107,037	4,360,634,454
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	486,227,772
Chi phí tài chính khác	176,921	78,742,446
Cộng	8,196,283,958	4,925,604,672
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
6.nghiệp	Năm 2017	Năm 2016
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	83,980,851	264,016,268
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,767,507,892	10,886,063,969
Chi phí bằng tiền khác	120,452,591	150,479,073
Cộng	4,971,941,334	11,300,559,310
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	4,214,892,259	4,679,093,936
Chi phí vật liệu quản lý, CCDC	65,556,442	177,670,719
Chi phí khấu hao TSCĐ	821,329,493	810,850,698
Thuế, phí, lệ phí	68,925,357	34,264,938
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng	(1,651,749,307)	922,042,345
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,899,828,735	2,529,738,304
Chi phí bằng tiền khác	1,660,560,536	3,726,159,049
Cộng	8,079,343,515	12,879,819,989

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	Năm 2017	Năm 2016
1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	586,672,603	155,031,453
2. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	-
3. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	586,672,603	155,031,453

8. Lãi cơ bản & lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(9,741,978,688)	7,168,593,851
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (*)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(9,741,978,688)	7,168,593,851
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	57,680,000	57,680,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(169)	124
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(169)	124

(*) Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông vào ngày 31/12/2017.

9. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

10.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản tiền gửi và các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	<i>Tăng/ giảm điểm cơ bản</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế (VND)</i>
Năm nay		
VND	+200	(1,493,003,502)
	-200	1,493,003,502
Năm trước		
VND	+100	(935,255,572)
	-100	935,255,572

10.2.Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu quá hạn và/hoặc bị suy giảm được trình bày trong bảng sau đây:

	Quá hạn	
	Không bị suy giảm	Bị suy giảm
Ngày 31 tháng 12 năm 2017		
Dưới 90 ngày	-	-
>181 ngày	8,117,256,650	533,139,031
Tổng cộng giá trị ghi sổ	8,117,256,650	533,139,031
Dự phòng giảm giá trị	-	(533,139,031)
Giá trị thuần	8,117,256,650	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2016		
Dưới 90 ngày	-	-
>181 ngày	24,472,558,119	513,336,165
Tổng cộng giá trị ghi sổ	24,472,558,119	513,336,165
Dự phòng giảm giá trị	-	(513,336,165)
Giá trị thuần	24,472,558,119	-

10.3.Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Các khoản vay và nợ	39,915,566,519	25,232,134,059	19,643,722,526	84,791,423,104
Phải trả người bán	17,424,594,036	-	-	17,424,594,036
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	101,568,864,696	-	-	101,568,864,696
Cộng	158,909,025,251	25,232,134,059	19,643,722,526	203,784,881,836
	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2016				
Các khoản vay và nợ	35,828,455,938	36,602,474,911	23,422,529,373	95,853,460,222
Phải trả người bán	16,470,434,960	-	-	16,470,434,960
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	68,437,537,890	-	-	68,437,537,890
Cộng	120,736,428,788	36,602,474,911	23,422,529,373	180,761,433,072

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng một phần tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trong tương lai của Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Phát Triển Công Nghiệp Bảo Thụ, Công ty TNHH MTV Chế biến cát Bình Thuận, Công ty TNHH MTV Vật Liệu Xây Dựng BIDICO, Công Ty TNHH Vận Tải Thăng Hải và tài sản của bên thứ ba là cổ phiếu do BII phát hành và quyền sử dụng đất tại xã Phước Bình, Hàm Tân, Bình Thuận làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng. (Chi tiết xem thuyết minh V.15 trang 27, 28 và 29).

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

11. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Xem trang 39.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của khoản vay dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của khoản nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh	Số dư phải thu / (phải trả)
Bà Nguyễn Thị Mai	Cổ đông	Mượn tiền	27,779,100,000	(1,191,853,047)
Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT	Mượn tiền	35,000,000	(435,000,000)
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2017	Năm 2016
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt	Thù lao, lương và thưởng	1,541,748,690	1,912,580,058
Cộng			1,541,748,690	1,912,580,058

3.Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận:

a. Báo cáo bộ phận chính yếu: theo khu vực địa lý (Xem thuyết minh trang 40).

b. Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

Năm 2017, Công ty báo cáo hoạt động theo các lĩnh vực kinh doanh: bán hàng, cho thuê đất và cung cấp dịch vụ. Công ty phân tích chi tiết các chỉ tiêu theo bộ phận như sau:

Bộ phận	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Bán hàng	19,700,367,591	16,381,158,334	3,319,209,257
Cho thuê đất	5,324,751,600	4,426,599,927	898,151,673
Dịch vụ	2,453,044,630	2,469,748,513	(16,703,883)
Cộng	27,478,163,821	23,277,506,774	4,200,657,047

4.Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

NGƯỜI LẬP BIỂU



HỒ TRƯƠNG NGUYỄN KHÔI

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ VĂN THẬT

Bình Thuận, ngày 28 tháng 3 năm 2018



HUỲNH THÀNH HIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ VÀ CÁC CÔNG TY CON							Mẫu số B 09 - DN/HN
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT							
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017							Đơn vị tính: Đồng Việt Nam
		12/31/2017			01/01/2017		
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
5. Nợ xấu							
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi		3,683,420,693	863,829,000	khả năng thu hồi quá hạn thanh toán trên 3 năm	4,471,341,000	-	khả năng thu hồi quá hạn thanh toán trên 3 năm
Trung Tâm Quy Hoạch & Đầu Tư Tài Nguyên Nước		1,265,000,000	863,829,000		1,265,000,000	-	
Công ty TNHH SX-XD-TM Hoàng Thông		-	-	Phải thu khó đòi đã xử lý	1,263,192,000	-	khả năng thu hồi quá hạn thanh toán trên 3 năm
Công ty TNHH TM DV Thiết Kế Nam An		119,794,000	-	khả năng thu hồi quá hạn thanh toán trên 3 năm	119,794,000	-	khả năng thu hồi quá hạn thanh toán trên 3 năm
Công ty CP TV Tài Nguyên Và Môi Trường Việt Nam		200,000,000	-	khả năng thu hồi quá hạn thanh toán trên 3 năm	200,000,000	-	khả năng thu hồi quá hạn thanh toán trên 3 năm
Trung tâm Quy Hoạch Và Đầu tư Tài Nguyên Nước		463,829,000	-	khả năng thu hồi quá hạn thanh toán trên 3 năm	463,829,000	-	khả năng thu hồi quá hạn thanh toán trên 3 năm
Các đối tượng khác		1,634,797,693	-	khả năng thu hồi quá hạn thanh toán từ 2 - 3 năm	1,159,526,000	-	khả năng thu hồi quá hạn thanh toán trên 3 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ VÀ CÁC CÔNG TY CON				Mẫu số B 09 - DN/HN	
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT					
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017				Đơn vị tính: Đồng Việt Nam	
7. Tài sản cố định hữu hình					
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	
Nguyên giá				Tài sản cố định hữu hình khác	
Số dư đầu năm	15,221,832,773	9,422,750,736	5,182,364,545	102,940,909	33,305,270,848
Mua trong năm	293,412,000	234,545,454	431,818,182	-	959,775,636
ĐT XDCB hoàn thành	18,741,780,789	39,385,558,150	159,090,909	-	58,286,429,848
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1,779,263,637)	-	(1,779,263,637)
Số dư cuối năm	34,257,025,562	49,042,854,340	3,994,009,999	102,940,909	90,772,212,695
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1,651,822,006	1,389,552,718	1,113,779,123	31,486,748	4,433,550,896
Khấu hao trong năm	1,952,982,618	2,737,405,978	705,050,539	13,854,161	5,659,169,466
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(479,163,515)	-	(479,163,515)
Số dư cuối năm	3,604,804,624	4,126,958,696	1,339,666,147	45,340,909	9,613,556,847
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	13,570,010,767	8,033,198,018	4,068,585,422	71,454,161	28,871,719,952
Số dư cuối năm	30,652,220,938	44,915,895,644	2,654,343,852	57,600,000	81,158,655,848
* Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 57.198.275.858 VND.					
* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.687.322.727 VND.					

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ VÀ CÁC CÔNG TY CON		Mẫu số B 09 - DN/HN	
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT			
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017		Đơn vị tính: Đồng Việt Nam	
11. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:			
Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.			
	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý
	12/31/2017	12/31/2016	12/31/2017
	Giá trị	Giá trị	Dự phòng
Tài sản tài chính			
- Phải thu khách hàng	8,650,395,681	24,985,894,284	(513,336,165)
- Phải thu khác	179,457,780,280	161,930,060,364	(903,114,525)
- Tiền và các khoản tương đương tiền	10,196,348,291	2,493,140,005	-
TỔNG CỘNG	198,304,524,252	189,409,094,653	(1,416,450,690)
Nợ phải trả tài chính			
- Vay và nợ	84,791,423,104	95,853,460,222	-
- Phải trả người bán	17,424,594,036	16,470,434,960	-
- Các khoản phải trả, phải nộp và chi phí khác	101,568,864,696	68,437,537,890	-
TỔNG CỘNG	203,784,881,836	180,761,433,072	-
			203,784,881,836
			180,761,433,072
			187,992,643,963
			84,791,423,104
			17,424,594,036
			101,568,864,696
			203,784,881,836
			180,761,433,072
			187,992,643,963
			84,791,423,104
			16,470,434,960
			68,437,537,890
			180,761,433,072
			187,992,643,963
			84,791,423,104
			16,470,434,960
			68,437,537,890
			180,761,433,072
			187,992,643,963

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ VÀ CÁC CÔNG TY CON		Mẫu số B 09 - DN				
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH						
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017						
<i>Đơn vị tính: Đồng Việt Nam</i>						
3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận						
b. Báo cáo bộ phận chính yếu: theo khu vực địa lý						
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty báo cáo bộ phận theo các khu vực địa lý: Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu và Đồng Nai. Công ty phân tích chi tiết các chi tiêu theo khu vực địa lý như sau:						
Chỉ tiêu	Bình Thuận	Bà Rịa - Vũng Tàu	Đồng Nai	Tổng cộng	Loại trừ	Tổng cộng toàn DN
1. Doanh thu thuần	39,847,483,247	-	-	39,847,483,247	(12,369,319,426)	27,478,163,821
- Doanh thu thuần từ bán hàng bán ra bên ngoài	27,478,163,821	-	-	27,478,163,821	-	27,478,163,821
- Doanh thu thuần từ bán hàng bán cho bộ phận khác	12,369,319,426	-	-	12,369,319,426	(12,369,319,426)	-
2. Chi phí	67,174,123,895	3,378,600	137,243,391	67,314,745,886	(22,789,670,305)	44,525,075,581
- Giá vốn	35,646,826,200	-	-	35,646,826,200	(12,369,319,426)	23,277,506,774
- Chi phí hoạt động	12,910,662,858	3,378,600	137,243,391	13,051,284,849	-	13,051,284,849
- Chi phí tài chính	18,616,634,837	-	-	18,616,634,837	(10,420,350,879)	8,196,283,958
Thu nhập tài chính	29,049,209,011	469,544	72,335	29,049,750,890	(18,388,586,361)	10,661,164,529
Lợi nhuận khác	(3,533,193,480)	-	-	(3,533,193,480)	-	(3,533,193,480)
3. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1,810,625,117)	(2,909,056)	(137,171,056)	(1,950,705,229)	(7,968,235,482)	(9,918,940,711)
4. Tài sản bộ phận	1,432,827,559,400	3,803,251,950	69,018,378,497	1,505,649,189,847	(669,597,171,307)	836,052,018,540
5. Nợ phải trả bộ phận	547,587,910,675	5,338,100	2,964,728,711	550,557,977,486	(329,828,345,666)	220,729,631,820

Trên đây là toàn văn báo cáo thường niên 2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư được lập theo hướng dẫn tại Phụ lục 04 Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính.

Bình Thuận, ngày 16 tháng 04 năm 2018



TRỤ SỞ CHÍNH:

+ Địa chỉ : Khu phố 11, phường Bình Tân, Thị Xã Lagi, tỉnh Bình Thuận
+ ĐT : 0252 6282666

CHI NHÁNH TẠI TP.HCM:

+ Địa chỉ : B52-53, D6, KDC Tân An Huy, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, TP.HCM
+ ĐT : 0283 6209000
+ Email : info@bidico.com.vn
+ Webside : www.bidico.com.vn